

HỒI KÝ NGUYỄN HỘ

Mấy lời của tác giả

Tôi tên Nguyễn Hộ, sanh ngày 01 tháng 5 năm 1916 (77 tuổi), tại xã Hạnh Thông (tức phường 10), quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh. Lúc còn nhỏ, tôi chỉ học hết cấp 2 (sơ học yếu lược) thời Pháp thuộc năm 1933. Vì gia đình nghèo, tôi không thể tiếp tục đến trường mà phải đi học nghề, làm thợ tại xưởng đóng tàu Ba Son (1935) vào lúc 19 tuổi. Tại đây từ năm 1936 (20 tuổi), tôi bắt đầu tham gia cách mạng, tham gia phong trào đấu tranh dân sinh dân chủ và được kết nạp vào đảng cộng sản Đông Dương (tức đảng cộng sản Việt Nam sau này) năm 1937 (tức 21 tuổi). Sau 5 năm hoạt động, tôi bị bắt vào tháng 4 năm 1940 trên đường đi vào nhà máy và bị tù 5 năm ở Côn Đảo. Đến cuối năm 1945, tôi được cách mạng tháng 8 giải phóng về và tiếp tục hoạt động đến sau này. Suốt quá trình cách mạng ấy tôi đã kinh qua các trách nhiệm như sau:

a/ Thời kỳ đấu tranh dân sinh dân chủ (1936-1940). • Chi ủy chi bộ Ba Son (đảng cộng sản Đông Dương) • Bị tù đày ở Côn Đảo (1940-1945). b/ Thời kỳ kháng chiến chống Pháp (1946-1954). • Phó thư ký kiêm bí thư đảng đoàn liên hiệp công đoàn Nam Bộ, phụ trách công đoàn Sài Gòn – Chợ Lớn. • Ủy viên ban kháng chiến hành chính đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn, phụ trách dân quân; Trưởng ban dân quân Sài Gòn – Chợ Lớn. • Thành đội trưởng dân quân Sài Gòn – Chợ Lớn. • Phụ trách thành đảng bộ Sài Gòn – Chợ Lớn (cuối năm 1948 đến cuối năm 1950), kiêm phó chủ tịch ủy ban hành chính Sài Gòn – Chợ Lớn. • Ủy viên thường vụ đặc khu ủy Sài Gòn – Chợ Lớn, phụ trách cán sự 2 đặc khu, kiêm phó chủ tịch ủy ban hành chính Sài Gòn – Chợ Lớn, kiêm chỉ huy phó ban chỉ huy quân sự đặc khu Sài Gòn – Chợ Lớn (cuối năm 1950 đến cuối năm 1952). • Đau nặng, nằm bệnh viện (cuối năm 1952 đến cuối năm 1954).

c/ Thời kỳ kháng chiến chống Mỹ (lúc đất nước chia cắt hai miền Nam Bắc). • Ra Bắc, đau nặng, nằm bệnh viện (1955-1956). • Ủy viên ban chấp hành, ban thường vụ tổng liên đoàn lao động Việt Nam (1957- 1960). • Ủy viên ban thư ký, ủy viên đoàn chủ tịch tổng công đoàn Việt Nam: đảng đoàn tổng công nhân Việt Nam (1961-1963). d/ Về miền Nam công tác (1964-1975) vận.

e/ Thời kỳ sau 30/04/75 trở đi (1975-1987)

- Ủy viên thường vụ thành ủy thành phố Hồ Chí Minh phụ trách dân vận.
- Chủ tịch liên hiệp công đoàn thành phố Hồ Chí Minh kiêm phó chủ tịch tổng công đoàn Việt Nam.
- Chủ tịch mặt trận Tổ Quốc Việt Nam thành phố Hồ Chí Minh kiêm ủy viên đoàn chủ tịch ủy ban trung ương mặt trận Tổ Quốc Việt Nam.
- Chủ tịch hội Việt – Xô hữu nghị thành phố Hồ Chí Minh kiêm phó chủ tịch ban chấp hành trung ương hội Việt-Xô hữu nghị. • Chủ tịch ủy ban đoàn kết và hữu nghị với nhân dân thế giới thành phố Hồ Chí Minh.

- Chủ tịch ban thiếu niên nhi đồng thành phố Hồ Chí Minh.
- Trưởng ban vận động đồng bào thành phố Hồ Chí Minh ủng hộ xây dựng công trình thủy điện Trị An, xây dựng con đường Nhà Bè – Duyên Hải và xây dựng kinh Đông – Củ Chi.
- Giữa năm 1987, tôi được cơ quan cho nghỉ hưu lúc tôi 71 tuổi.

Liên sau đó Câu lạc bộ kháng chiến thành phố ra đời. Tôi tham gia hoạt động với tư cách Chủ nhiệm câu lạc bộ. Kể ra, ngay từ đầu, anh em kháng chiến thiết tha xin lập hội những người kháng chiến thì bị thành ủy và UBND thành phố từ chối và chỉ cho phép thành lập Câu lạc bộ những người kháng chiến mà thôi, mặc dù điều 67 của hiến pháp còn ghi rành rành các quyền tự do của công dân: tự do hội họp, tự do lập hội.... Tất nhiên, tổ chức hội và tổ chức Câu lạc bộ có thực sự khác nhau về nội dung, quyền hạn và phạm vi hoạt động. Tuy vậy, dựa vào nội dung quyết định của ủy ban nhân dân thành phố về nhiệm vụ, quyền hạn của Câu lạc bộ kháng chiến:

- Tập hợp những người kháng chiến trong hai thời kỳ (chống Pháp và chống Mỹ) nhằm phát huy truyền thống yêu nước trong nhân dân ta.
- Đóng góp vào công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ Quốc Việt Nam XHCN.

• Đoàn kết tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong cuộc sống. Những người tham gia câu lạc bộ kháng chiến đã tiến hành hoạt động bằng các hình thức: hội thảo, mít tinh, kiến nghị, viết báo, ra báo nhằm các mục tiêu cụ thể chống tiêu cực, quan liêu, cửa quyền, ức hiếp trừ dập quần chúng, tham nhũng, bè phái, bao che lẫn nhau vì đặc quyền, đặc lợi trong hàng ngũ cán bộ đảng và nhà nước, ngoài ra xây dựng tổ chức, phát triển hội viên, thực hiện đoàn kết tương trợ, thăm hỏi chăm sóc gia đình kháng chiến, thương binh liệt sĩ. Với tinh thần đấu tranh chống tri trệ, tiêu cực nói trên, câu lạc bộ kháng chiến thành phố đã kiến nghị:

- Bộ chính trị và Ban bí thư trung ương đảng cần có sự kiểm điểm định kỳ, phê tự phê về sự lãnh đạo của mình trước ban chấp hành trung ương để qua đó điều chỉnh, kiện toàn cơ quan lãnh đạo: ai có đủ đức, tài thì tiếp tục phát huy, còn ai không đủ đức, tài thì cần cho rút lui để đưa người có đức có tài thay thế, chứ không thể cứ “sống lâu lên lão làng”.
- Không nên ‘độc diễn’ khi quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng bộ trưởng (1988) mà nên có một số người ra ứng cử chức vụ nói trên với chương trình hành động cụ thể của mình.

Quốc hội sẽ chọn một chủ tịch hội đồng bộ trưởng trong số các ứng viên ấy bằng lá phiếu kín của mình.

- Quốc hội cần cách chức một số bộ, thứ trưởng có liên quan không làm tròn trách nhiệm, dẫn đến hậu quả là có trên 10 triệu người ở miền Bắc bị đói năm 1987, và nhân dân cả nước sống cơ cực kéo dài...

Thế nhưng đối với lãnh đạo (đảng và nhà nước) các cuộc đấu tranh bằng hình thức nói trên của câu lạc bộ kháng chiến thành phố là một sự đe dọa. Do đó, lãnh đạo đã tìm mọi cách hạn chế, ngăn chặn các hoạt động của câu lạc bộ như: không cho hội thảo, mít tinh hoặc có hội thảo, mít tinh nhưng số người dự ít thôi; tịch thu ấn bản đề câu lạc bộ không ra báo được. Trước khó khăn đó, với tinh thần bám chặt các quyền tự do dân chủ của công dân đã ghi rõ trong hiến pháp như: tự do ngôn luận, tự do báo chí... anh em câu lạc bộ phải cấp tốc đem bài vở chạy xuống Mỹ Tho – Tiền Giang để nhờ giúp đỡ. Tại đây, anh em địa phương rất nhiệt tình, hì hục suốt ngày đêm làm xong ấn bản lần thứ hai thì lại được lệnh của ban tuyên huấn tỉnh uỷ là không được in báo cho câu lạc bộ kháng chiến thành phố. Thế là anh em câu lạc bộ phải chạy xuống Cần Thơ – Hậu Giang cầu cứu với ấn bản có sẵn. Nhờ sự thông cảm và tận tình của anh em địa phương, chỉ trong vài ngày, 20 ngàn tờ báo ‘truyền thống kháng chiến’ đã được in ra. Sở văn hóa thông tin ra lệnh tịch thu tờ báo số 03 này đang được phát hành và sau cùng cơ quan chính quyền đóng của vĩnh viễn báo ‘truyền thống kháng chiến’. Tờ báo được nhiều cảm tình của đông đảo bạn đọc luôn luôn chờ đón.

Ngay lúc ấy, trung ương đảng cộng sản Việt Nam đứng đầu là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh và bí thư thành uỷ Võ Trần Chí cùng nhiều cán bộ khác kể cả Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng đã họp bàn kế hoạch tỉ mỉ nhằm đàn áp câu lạc bộ kháng chiến thành phố và nhiều nơi khác. Ý kiến phát biểu, lên án, buộc tội câu lạc bộ kháng chiến thành phố của Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng trong cuộc họp nói trên được in ra và phát hành khắp cả nước. Thế là, liền sau đó CLBKC/TP bị cấm hoạt động. Một câu lạc bộ kháng chiến mới với ban chủ nhiệm mới – như một thứ ‘kiềng’ trang trí, hình thành nhằm vô hiệu hóa, tê liệt hóa phong trào đấu tranh chống tiêu cực, suy thoái trong hàng ngũ đảng và nhà nước vừa mới dâng lên và cũng nhằm củng cố chế độ độc tài, phản dân chủ.

Trước không khí ngột ngạt ấy, tôi đã quyết định rời bỏ thành phố về sống ở nông thôn để tiếp tục cuộc đấu tranh vì dân chủ tự do, vì ấm no hạnh phúc của nhân dân đến hơi thở cuối cùng. Ngày 21/03/1990, tôi rời khỏi Sài Gòn cũng là ngày tôi ly khai đảng cộng sản Việt Nam. Đảng mà sau 54 năm đeo đuổi cách mạng (với tư cách đảng viên) của tôi, nay đã trở thành vô nghĩa. Sau cái ngày đáng ghi nhớ ấy khoảng hơn một tháng, một số anh em CLBKC/TP gồm: Tạ Bá Tòng (Tám Cân), Hồ Văn Hiếu (Hồ Hiếu), Đỗ Trung Hiếu (Mười Anh) bị bắt, cả Lê Đình Mạnh – người ủng hộ tích cực CLBKCTP cũng bị bắt sau đó.

Vào cuối tháng 08/90, Phó chủ tịch hội đồng bộ trưởng Võ Văn Kiệt đi gặp tôi ở vùng Phú Giáo – miền Đông Nam Bộ, cách Sài Gòn khoảng 60 cây số, tại cái chòi sản xuất của nông dân. Ông Kiệt hỏi tôi: “Thế này là sao?”. Tôi trả lời: “Thành phố ngột ngạt quá, tôi về nông thôn ở cho khỏe”. Ông Kiệt nói: “Anh cứ về thành phố ai làm gì anh”. Tôi đáp: “Rất tiếc, phải chi anh gặp tôi sớm hơn độ hai tháng thì tốt quá, tôi trở về thành phố ngay. Còn bây giờ thì đã muộn rồi, bởi vì dưới sự lãnh đạo của trung ương ĐCSVN lúc bấy giờ đứng đầu là Tổng bí thư Nguyễn Văn Linh cùng các ông: Mai Chí Thọ, Võ Trần Chí, Trần Trọng Tân, Trần Văn Trà, Trần Bạch Đằng... cả nước được chỉ đạo, phổ biến rằng tôi (Nguyễn Hộ) là tên phản động, gián điệp, móc nối với CIA, nói giáo cho giặc, tiếp tay báo chí nước ngoài tuyên truyền chống đảng, chống nhà nước. Lập tổ chức quần chúng (CLBKCTP) chống đảng, lật đổ chính quyền, ăn tiền của Mỹ, chủ trương đa nguyên, đa đảng nhằm lật đổ đảng cộng sản Việt Nam. Tất cả sự quy chụp ấy nói lên rằng đảng cộng sản Việt Nam đã đạp tôi xuống tận bùn đen, chôn vùi cả cuộc đời cách mạng của tôi trong nhơ nhuốc để tôi không làm sao ngóc đầu dậy được.

Tình hình như vậy tôi trở về thành phố làm gì trừ khi đất nước Việt Nam có dân chủ tự do thật sự. Do đó tôi quyết sống ở thôn quê cho đến ngày cuối cùng của đời tôi.”

Cuộc gặp gỡ giữa tôi và ông Kiệt diễn ra từ 7 giờ 30 phút sáng đến 11 giờ trưa thì kết thúc và chia tay. Được biết là từ sau lần gặp gỡ đó, ông Kiệt tỏ ra phấn khởi và nhấn muốn gặp tôi lần thứ hai ở một địa điểm nào đó gần Sài Gòn để tiện việc đi lại. Khi được tin này, tôi có viết thư trả lời cho ông Kiệt rằng cuộc gặp gỡ lần thứ hai không cần thiết.

Sau đó, khoảng nửa tháng thì tôi bị bắt (07/09/90) trên sông Sài Gòn vào lúc 7 giờ sáng khi tôi bơi xuống vừa cập vào bờ, định bước lên vào đám ruộng cạnh đó để hái rau má, rau đắng về ăn. Đúng vào thời điểm ấy, một chiếc ghe lớn đang chạy trên sông lại cập sát xuống tôi, trong đó có 6-7 thanh niên khỏe mạnh. Bỗng có tiếng hỏi to:”Bác ơi! bác có thấy một chiếc ghe nhỏ chạy ngang qua đây không?” “Không!” tôi trả lời. Liền đó có tiếng hét to: “Đúng nó rồi!”.

Lúc bấy giờ, tôi mới biết là ghe của công an và nghe tiếng súng lên cò rộp rộp. Tức thời có hai công an cường tráng, tay cầm súng đã nạp đạn nhảy xuống mũi xuống nơi tôi đang đứng. Tôi bình tĩnh hỏi:”Mấy chú muốn gì?”. “Muốn gì về sở thì biết” tiếng trả lời xác xược của một công an. Hai công an đồng loạt nắm tay tôi, kéo mạnh ra phía sau rồi còng ngay. Họ điều động tôi sát chiếc ghe lớn có tấm ván dài bắt từ mũi ghe xuống đáy. Họ xô mạnh tôi chúi mũi và tuột xuống đáy ghe. Ghe nổ máy chạy dọc con sông lên hướng Tây Bắc độ 15 phút thì rẽ vào rạch nhỏ đi sâu đến bến. Tại đây có chiếc xe hơi nhỏ đậu sẵn. Tôi được điều lên xe và đổi còng từ phía sau ra phía trước, với bộ y phục: quần xà lỏn đen và cái áo đen ngắn tay đã xuống màu, hai bên có hai công an ngồi sát và một công an khác ngồi phía trước. Sau nửa giờ xe chạy thì đến nơi. Người ta đưa tôi vào một nhà lá trống trải, không có cửa. Tôi được ngồi nghỉ trên cái giường gỗ nhỏ có trải chiếu chiếu cũ. Lúc bấy giờ tôi mới nhận ra rằng chính lực lượng công an huyện Củ Chi đã sẵn bắt tôi (tất nhiên theo lệnh của sở công an thành phố và Bộ nội vụ).

Củ Chi tôi rất quen thuộc và thân thiết – đã gọi lên trong đầu óc tôi biết bao cảm nghĩ: Củ Chi địa đạo, bom địa, pháo bầy, Củ Chi tan nát, anh dũng, chịu đựng, gian khổ, hy sinh, nước mắt đau thương xen lẫn với nụ cười chiến thắng mà bản thân tôi trong một số năm chia xẻ đắng cay, ngọt bùi cùng đồng bào Củ Chi trong cuộc chiến tranh không cân xứng, vô cùng ác liệt giữa Mỹ và Việt Nam; hoặc nó gợi nhớ cho tôi bao nhiêu những kỷ niệm tốt đẹp trong hoà bình (1975-1989): đi thăm và uỷ lạo anh em thanh niên xung phong đang lao động xây dựng công trình thuỷ lợi Kênh Đông Củ Chi để đưa nước từ hồ Dầu Tiếng về tưới cho hàng ngàn héct ta ruộng lâu nay thiếu nước của huyện; đi thăm và uỷ lạo các gia đình có công với cách mạng, gia đình thương binh liệt sĩ trong những ngày kỷ niệm lịch sử; hoặc đi thăm và tặng quà cho các thiếu nhi, học sinh nghèo của huyện; đi dự lễ trao tặng nhà tình nghĩa của ban, ngành, đoàn thể, cơ sở kinh doanh, sản xuất cho gia đình đối tượng chính sách trong huyện. Ôi! Ý nghĩ sao mà miên man.

Đúng 4 giờ rưỡi chiều hôm đó, tôi được đưa lên ô tô để về Sài Gòn. Trước và sau xe tôi còn có mấy xe khác đầy nhân viên công an. Khi đèn đường thành phố rực sáng thì xe tôi đến cơ quan Bộ nội vụ (tức Tổng Nha Cảnh Sát cũ trước đây). Tôi ngồi ở cơ quan nội vụ hơn 1 giờ thì được đưa thẳng lên Xuân Lộc (Đồng Nai), có nhiều xe công an hộ tống. Hơn 10 giờ đêm thì tới Xuân Lộc, tôi được đưa đến một nhà trống (nhà tròn) của k4 với một bán đội công an vũ trang đầy đủ. Được một tuần, người ta đưa tôi trở về

thành phố quản thúc tại Bình Triệu, ở một địa điểm đối diện với cư xá Thanh Đa. Sau hơn bốn tháng sống biệt lập luôn luôn có một tiểu đội công an canh giữ, tôi được đưa về quản thúc tại gia vào đúng ngày 30 tết nguyên đán (đầu năm 1991) từ đó về sau này. Khi gặp tôi tại 3 địa điểm nói trên, các ông: Võ Văn Kiệt (Phó chủ tịch Hội đồng bộ trưởng), Mai Chí Thọ (Bộ trưởng bộ nội vụ), Võ Trần Chí (Bí thư thanh uỷ), Võ Viết Thanh (Thứ trưởng bộ nội vụ), Nguyễn Võ Danh (Phó bí thư thành uỷ), Trần Văn Thanh (Thành uỷ viên) ... đều bảo tôi phải làm kiểm điểm (để qua đó lãnh đạo sẽ xem xét và giải quyết vấn đề của tôi theo cách giải quyết nội bộ). Nhưng tôi nghĩ: tôi không có tội lỗi gì trong hành động của mình – hoạt động câu lạc bộ kháng chiến, không lẽ đấu tranh chống tiêu cực (theo chủ trương, nghị quyết của ĐCSVN): chống tham nhũng, chống quan liêu cửa quyền, ức hiếp, trù dập, hãm hại quần chúng; chống tư tưởng bè phái, bao che cho nhau, những người đã gây biết bao tác hại cho nhân dân, đất nước, không đúc, không tài mà cứ ngồi lì ở cương vị lãnh đạo; đấu tranh chống tiêu cực, suy thoái như vậy là hành động phản cách mạng, phản động, nổi giáo cho giặc sao? Do đó, tôi không làm kiểm điểm mà chỉ phát biểu quan điểm của mình về tình hình chung trong nước và sự lãnh đạo của đảng cộng sản Việt Nam. (trên 20 trang)

Kiểm điểm là mang tính chất nội bộ. Còn đây là việc hoàn toàn khác hẳn: người ta chia súng vào tôi, bắt công tôi, đem giam và quản thúc. Như vậy, vấn đề đã đi quá xa, còn đâu là nội bộ nữa, vì tôi bị coi là kẻ thù của ĐCSVN rồi kia mà. Cho nên điều chủ yếu của tôi là chờ được đưa ra tòa xét xử, xem tôi đã phạm tội gì, nặng cỡ nào với những chứng cứ chính xác của nó. Khi tôi bị bắt không hề có lệnh của tòa án hay Viện kiểm sát. Hơn nữa, đã trên 2 năm bị quản thúc, vấn đề của tôi chưa được phơi bày trước ánh sáng công lý. Điều đó cho thấy ở Việt Nam hiến pháp, luật pháp bị chà đạp cỡ nào.

Câu lạc bộ kháng chiến thành phố bị đàn áp, tôi bị bắt cũng như một số anh em khác trước đó. Chúng tôi được ném mùi công sắt của ĐCSVN – cũng giống như công sắt của đế quốc ngày xưa – rồi bị giam, bị quản thúc, trở thành người hoàn toàn mất tự do, cách ly với thế giới bên ngoài. Đó là điều bất hạnh.

Tuy nhiên, vì tôi đã ly khai ĐCSVN lúc tôi rời thành phố về sống ở nông thôn (21/03/90), nên hơn lúc nào hết, về tinh thần và tư tưởng, tôi thấy mình hoàn toàn tự do, hoàn toàn được giải phóng. Bây giờ, trên đầu tôi không còn bị kẹp chặt bởi cái “kềm sắt” của chủ nghĩa Mác – Lê Nin, của đảng cộng sản nữa. Do đó, nó cho phép tôi dám nhìn thẳng vào sự thật và dám chỉ ra sự thật, đặc biệt trong tình hình sụp đổ của Đông Á và sự tan rã của Liên Xô. Khác với trước đây, khi còn là đảng viên của đảng cộng sản Việt Nam – một thứ tù binh của đảng – tôi chỉ biết nói và suy nghĩ theo những gì mà cấp trên nói và suy nghĩ. Còn hiện nay, tôi suy nghĩ rất thoải mái, không bị một sự hạn chế nào khi tư tưởng của tôi đã thực sự được giải phóng – tư tưởng đã bay bổng. Bởi vậy, tôi tự phát hiện cho mình nhiều điều lý thú mà bạn đọc sẽ có dịp tìm thấy trong bài viết này của tôi.

Tôi làm cách mạng trên 56 năm, gia đình tôi có 2 liệt sĩ: Nguyễn Văn Đào (anh ruột) – Đại tá quân đội nhân dân Việt Nam – hy sinh ngày 09/01/66 trong trận ném bom tấn công đầu tiên của quân xâm lược Mỹ vào Việt Nam (vào Củ Chi); Trần Thị Thiệt (vợ tôi) – cán bộ phụ nữ Sài Gòn – bị bắt và bị đánh chết tại Tổng Nha Cảnh Sát hồi tết Mậu Thân (1968), nhưng phải thú nhận rằng, chúng tôi đã chọn sai lý tưởng: cộng sản chủ nghĩa. Bởi vì suốt hơn 60 năm trên con đường cách mạng cộng sản ấy, nhân dân Việt Nam đã chịu sự hy sinh quá lớn lao, nhưng cuối cùng chẳng được gì, đất nước vẫn

nghèo nàn, lạc hậu, nhân dân không có ấm no hạnh phúc, không có dân chủ tự do. Đó là điều sỉ nhục.

Giữa tôi và bài viết của tôi là một thể thống nhất dựa trên nền tảng của cuộc cách mạng “lột xác” đã diễn ra trong đầu óc tôi. Vậy xin mời bạn hãy đọc tiếp. Cảm ơn.

Nguyễn Hộ

Quan Điểm và Cuộc Sống – Phần 1

A. Trái Đất Đảo Lộn.

Chịu sự tác động của công cuộc cải tổ toàn diện đất nước Xô Viết vĩ đại bắt đầu từ tháng 04 năm 1985, thế giới đã bước vào một thời kỳ chuyển động khác thường, có thể nói là “chóng mặt” và vô cùng phức tạp.

Phải thừa nhận rằng trong công cuộc cải tổ ở Liên Xô (cũ), dân chủ – công khai là động lực mang tính chất áp đảo đã tạo ra những chuyển biến có tầm vóc quốc tế đáng kinh ngạc.

Những hiện tượng nổi bật của nó là :

- Cuộc đấu tranh đồng loạt cho dân chủ – tự do, chống chuyên chế độc tài, chống tham nhũng, đòi thành lập một nhà nước pháp quyền của hàng triệu sinh viên, học sinh, trí thức và các tầng lớp nhân dân thủ đô Bắc Kinh cùng với các thành phố khác của Trung Quốc hồi tháng 05 đã bị tàn sát đẫm máu tại Thiên An Môn và bị dập tắt ngay sáng ngày 04 tháng 06 năm 1989.

- Trận cuồng phong dân chủ – công khai ở Liên Xô (cũ) tràn vào Đông Âu đã xoáy mạnh và làm tan rã các nước xã hội chủ nghĩa ở khu vực này kể từ tháng 10 năm 1989. Các đảng Mác- Xít cầm quyền bị sụp đổ, các lãnh tụ bị bắt, đưa ra tòa xét xử hoặc bị giết: Honecker (Cộng Hòa Dân Chủ Đức), Tô-to-gíp-cốp (Bungari), Ceausescu (Rumani), bức tường Bá Linh cắt đôi nước Đức suốt mấy mươi năm đã bị đập bằng, Đông Đức sát nhập vào Tây Đức thành nước Đức thống nhất.

- Khối Vác-sa-va (Khối quân sự các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu kể cả Liên Xô cũ) và hội đồng tương trợ kinh tế Châu Âu (tổ chức kinh tế của các nước xã hội chủ nghĩa) đều giải thể (1990-1991).

- Theo sự cam kết của chính phủ Liên Xô (cải tổ) là không can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, hồng quân Liên Xô lần lượt rút khỏi các nước Đông Âu (từ năm 1990 trở đi) sau 45 năm chiếm đóng các nước này.

- Do sức ép mạnh mẽ của phong trào dân chủ, đại hội đại biểu nhân dân Liên Xô (1990) đã thông qua quyết định hủy bỏ điều 6 của hiến pháp Liên Xô (cũ) về vai trò độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản Liên Xô đối với đất nước Xô Viết hơn 70 năm trước đó.

- Cuộc đảo chánh nhằm lật đổ Tổng Thống Liên Xô M.Gorbachov của lực lượng bảo thủ chống cải tổ trong đảng cộng sản và nhà nước Liên Xô (cũ) nổ ra ngày 19/08/1991, song nó đã thất bại ngay sau đó (21/08/1991) bởi chiến thắng ngoạn mục của lực lượng dân chủ Mockba và Lê-nin-grát.

- Đảo chánh bị thất bại, M.Gorbachov trở lại vị trí Tổng Thống của mình (21/08/1991), sau đó tuyên bố từ chức Tổng bí thư đảng cộng sản Liên Xô và yêu cầu Ủy ban trung ương đảng nên tự giải thể, đồng thời Tổng Thống Liên Xô đã ký sắc lệnh buộc đảng

cộng sản Liên Xô ngưng

hoạt động. Ở một số nước Cộng Hòa, đảng cộng sản bị cấm hoạt động (Cộng Hòa Liên Bang Nga), có nơi đảng cộng sản đã giải thể hoặc đổi tên khác để tiếp tục hoạt động.

- Chủ nghĩa dân tộc cực đoan bộc phát dữ dội, chưa từng thấy ở các nước Cộng Hòa thuộc Liên Xô (cũ): tuyên bố độc lập và ly khai với Mockba (Liên Bang Xô Viết) đã làm rung chuyển đến cội rễ bộ máy nhà nước Liên Xô, cắt xén và làm suy yếu nó một cách nghiêm trọng đến độ nó chỉ còn là một Liên Bang lỏng lẻo, tự do và rất yếu đuối.

Tuy nhiên sự kiện làm chấn động dư luận thế giới là “cộng đồng các quốc gia độc lập” gồm 3 nước : CHLB Nga, U-cơ-ren-na Bê-la-rút ra đời (08/12/1991) đã thu hút hầu hết các nước Cộng Hòa thuộc Liên Xô (cũ) còn lại tham gia vào cộng đồng nói trên.

Mặc dù, M.Gorbachov thấy rõ trách nhiệm nặng nề của mình là phải đưa đất nước Liên Xô vượt qua thảm họa của cuộc khủng hoảng sâu sắc và toàn diện về chính trị, kinh tế, xã hội, an ninh, quốc phòng, sắc tộc, thậm chí đang có nguy cơ đảo chánh, nội chiến với quyết tâm kiên trì chủ trương ký kết hiệp ước Liên Bang mới (Liên Bang lỏng lẻo, tự do), nhưng tất cả tình hình diễn biến dồn dập, đột ngột, nhanh chóng kể trên đã tạo nên sức ép nặng nề đến độ buộc M.Gorbachov phải tuyên bố từ chức Tổng Thống Liên Xô đêm 25/12/1991 khi ông phát biểu ý kiến với nhân dân Liên Xô trên đài truyền hình Mockba về tổ chức “cộng đồng các quốc gia độc lập”.

Thế là Liên Bang Xô Viết chấm dứt tồn tại và Tổng Thống Liên Xô M.Gorbachov cũng không còn, đi liền với sự ra đời của 15 nước Cộng Hòa độc lập, tự do trên mảnh đất Xô Viết cũ- 15 thành viên của Liên Hiệp Quốc. Vì vậy nhiều câu hỏi đã được đặt ra: “thế giới sẽ đi về đâu ? Chuyển động theo xu thế nào ? Trước đây hùng mạnh như Phát Xít Hitler mà không làm gì nổi Liên Xô, còn ngày nay tại Liên Bang Xô Viết và đảng cộng sản Liên Xô lại dễ dàng tan rã như vậy ?”.

Đúng! Chỉ trong mấy năm gần đây (1989-1991), thế giới biến đổi kỳ lạ và chưa từng có trong lịch sử. Sau năm 1945, cuộc chiến tranh lạnh với trên 40 năm tồn tại đã không ngừng thúc đẩy nhịp độ căng thẳng trên thế giới giữa Đông (xã hội chủ nghĩa) và Tây (TBCN) đến bờ vực thẳm của cuộc chiến tranh nóng thật sự, với qui mô toàn cầu đã vĩnh viễn chấm dứt (1990- 1991), mở ra một kỷ nguyên mới trong xã hội loài người- chuyển đổi đầu sang đối thoại, hợp tác, hòa bình, dân chủ và phát triển.

Loài người đã thở phào nhẹ nhõm vì đã vượt qua được cơn ác mộng triền miên nguy cơ chiến tranh thế giới thứ 3, chiến tranh hạt nhân hủy diệt, chiến tranh không có kẻ thắng người bại khi nó kết thúc chỉ có loài người (người nghèo khổ, vua chúa, quan lại, triệu phú, tỉ phú, quân

đội, tướng lĩnh, công nhân, tư sản, người có đạo hay không có đạo...) sẽ bị tiêu diệt sạch sành sanh trên trái đất.

Hãy nghe Tướng Colin Powell – Chủ tịch hội đồng tham mưu trưởng liên quân Hoa Kỳ- khi đến thăm Liên Xô (cũ) hồi tháng 7 năm 1991 đã tuyên bố tại Mockba rằng: “Trong điều kiện có hiệp ước Start- ký kết giữa Liên Xô và Mỹ trước đó: hai bên cam kết cắt giảm 30% vũ khí hạt nhân chiến lược- Liên Xô vẫn có khả năng tiêu diệt nước Mỹ chúng tôi trong vòng 30 phút” (Liên Xô cũ có tất cả 11.000 vũ khí hạt nhân chiến lược được bố trí ở mọi hướng, nhắm thẳng vào mọi kẻ thù của mình và trong tư thế sẵn sàng tiêu diệt chúng) và ngược lại, với sự cân bằng chiến lược cân bằng lực lượng quân sự giữa đôi bên (Liên Xô – Mỹ), Mỹ cũng có đủ khả năng tiêu diệt Liên Xô và đồng minh của Liên Xô (các nước xã hội chủ nghĩa) trong vòng 30 phút. Cho nên mọi chiến tranh thế giới 3- chiến tranh hạt nhân hủy diệt- nổ ra và kết thúc sẽ không có kẻ thắng người bại như mọi cuộc chiến tranh thông thường khác là trong ý nghĩa khủng khiếp đó. Mặc dù thế giới vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp sau khi Liên Xô (cũ) tan rã: xung đột võ trang, chiến tranh sắc tộc, tôn giáo, phe phái đối nghịch nhau giành quyền lãnh đạo (ở

Nam Tư cũ, giữa A-déc-bai-gian và Ác-mê-ni, ở Gờ-ruđi-a, ở Ác-ga-ni-xtan, Ă-gô-la, Xô-ma-li...v...v.),

cả sự nổi dậy của bọn tân phát xít ở Đức, Ý, Tây Ban Nha... vẫn không thể làm đảo ngược được xu thế lớn, dòng chảy của thời đại: đối thoại hợp tác, hòa bình, dân chủ và phát triển. Cụ thể là trong thời gian xảy ra những cuộc xung đột kéo dài nói trên, Trung Quốc với dân số 1 tỷ người, từng giành thắng lợi lớn trong 14 năm cải cách kinh tế và mở cửa, đã tích cực đẩy mạnh hoạt động ngoại giao nhằm tạo ra một môi trường thế giới thuận lợi cho yêu cầu phát triển toàn diện đất nước Trung Hoa- đất nước có vị trí, vai trò to lớn góp phần ổn định hòa bình ở Châu Á và thế giới.

Do đó, từng những năm 1990 đến 1992, các đoàn đại biểu cao cấp của Trung Quốc đã có nhiều cuộc đi thăm hữu nghị các nước Đông Nam Á (Asean), Đông Âu cũ, Châu Phi, Tây Âu, Châu Mỹ la tinh, thăm Cộng Hòa Liên Bang Nga và một số nước thuộc Cộng Hòa Liên Xô cũ, thăm Ấn Độ, Nhật Bản, mời vua Nhật sang thăm hữu nghị Trung Quốc (cuối năm 1992) đặc biệt đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng Hòa Triều Tiên (Nam Triều Tiên) hồi tháng 08/1992 điều tối kỵ đối với nước Trung Quốc xã hội chủ nghĩa đã từng hy sinh hàng triệu người trong cuộc chiến tranh kháng Mỹ viện Triều năm 1951, và hiện nay đã và đang phát triển quan hệ buôn bán với Nam Triều Tiên gấp bội so với Bắc Triều Tiên xã hội chủ nghĩa : ngoài ra, Trung Quốc cũng đã thiết lập quan hệ ngoại giao với Cộng Hòa I-xra-en từ lâu được coi là “kẻ thù không đội trời chung”.

Theo xu thế đó, Trung Quốc cũng đã khôi phục lại quan hệ với nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN đã từng là kẻ thù của chính họ, vào cuối năm 1991.

Ngoài ra những cuộc xung đột võ trang, chiến tranh sắc tộc, tôn giáo, phe phái thù địch giành quyền lãnh đạo diễn ra nơi này, nơi khác trên thế giới cũng không thể ngăn cản được nước cộng hòa xã hội chủ nghĩa VN hòa nhập vào cộng đồng các nước trên thế giới nói chung và khu vực Châu Á Thái Bình Dương nói riêng. Nhiều đoàn đại biểu cấp cao của VN đã đi thăm hữu nghị các nước Asean- vùng cấm kỵ lâu nay đối với VN, và theo yêu cầu của mình, VN đã được tham gia hiệp ước Ba-li, trở thành thành viên (dự bị- quan sát viên) của hiệp hội các nước Asean (Đông Nam Á), đi thăm Ấn Độ, Cộng Hòa Liên Bang Nga và một số nước Cộng Hòa thuộc Liên Xô cũ, thăm một số nước Tây Âu, Bắc Âu, cải thiện quan hệ với Nhật, thiết lập quan hệ ngoại giao với Nam Triều Tiên (12/1992), đặc biệt đã cố gắng quên đi dĩ vãng không mấy tốt đẹp, khôi phục lại quan hệ láng giềng thân thiện với nước Cộng Hòa nhân dân Trung Hoa thông qua chuyến đi thăm hữu nghị nước này của đoàn đại biểu cấp cao của đảng và chính phủ VN do các ông Đỗ Mười và ông Võ Văn Kiệt hồi đầu cuối năm 1991. Quan hệ bình thường giữa Trung Quốc và VN được khôi phục lại đã góp phần quan trọng vào việc ổn định tình hình khu vực Châu Á Thái Bình Dương và thế giới.

Qua các chuyến thăm hữu nghị các nước nói trên của VN, các hiệp định tay đôi về kinh tế, văn hóa, khoa học kỹ thuật đã được ký kết; đó là những điều kiện tối cần thiết cho sự phát triển toàn diện của đất nước VN.

Hơn một năm qua, hội nghị hòa bình Trung Đông đã gặp nhiều khó khăn, tiến triển rất chậm nhưng phải thừa nhận rằng nó có những tiến bộ nhất định kinh qua 8 vòng đàm phán (thảo luận về khu vực tự trị của người dân Palestine ở vùng bị chiếm đóng). Công cuộc thương lượng hòa bình giữa Nam và Bắc Triều Tiên tuy có nhiều trở ngại, khó khăn lớn thậm chí có lúc bế tắc nhưng nó cũng đã đạt được những kết quả quan trọng: 2 miền Nam, Bắc triều Tiên cùng một lúc đã là thành viên của Liên Hiệp Quốc, hai bên đã ký kết hiệp ước bất tương xâm lược và thống nhất chủ trương phi hạt nhân hóa bán

đảo Triều Tiên. Công cuộc thanh sát cơ sở hạt nhân giữa hai miền đã và đang trở ngại lớn của tiến trình hòa đàm và thống nhất đất nước Triều Tiên. Song sự nghiệp hòa bình thống nhất Triều Tiên và nguyện vọng sâu xa và là mục tiêu cấp bách không thể đảo ngược được của nhân dân ở hai miền Nam Bắc.

Mặc dù Khor-me-đô ra sức phá hoại hiệp định hòa bình Pari về Cam-pu-chia, trắng trợn thách thức với Liên Hiệp Quốc và dư luận thế giới, nhưng bọn chúng nhất định sẽ thất bại, không thể đảo ngược được xu thế đi lên của đất nước Cam-pu-chia: chấm dứt chiến tranh, hòa bình, hòa hợp dân tộc, kiến thiết đất nước, thực hiện kinh tế thị trường và dân chủ đa nguyên. Công cuộc giải trừ quân bị nói chung và giải trừ vũ khí hạt nhân chiến lược nói riêng vẫn được tiếp tục thương lượng để thi hành giữa Nga và Mỹ (đầu năm 1993) và cả thế giới đã nhất trí thủ tiêu vũ khí hóa học (12/1992) mặc dù đang có tình hình chuyển động mới về mua bán vũ khí các loại kể cả chất Pluto-nium trên thế giới gần đây vì lợi ích củng cố quốc phòng, phát triển kinh tế của mỗi nước.

Mỹ bắt đầu đóng cửa nhiều căn cứ quân sự ở Châu Âu, rút hết quân khỏi căn cứ hải quân Subic lớn nhất ở Châu Á Thái Bình Dương (12/1992) sau khi bỏ căn cứ không quân Clark khổng lồ ở Pli-líp-pin (do tác động của núi lửa Pinatubo). Tất cả tình hình diễn biến phức tạp trên vẫn là nổi bật lên xu thế của thời đại, dòng thác chính của thế giới ngày nay sau khi chiến tranh lạnh đã chấm dứt: đối thoại, hợp tác, hòa bình, dân chủ và phát triển.

B. Con Người của lịch sử

Có được một bước ngoặt lịch sử vĩ đại của thế giới như vậy, đối với những người có hiểu biết, phải công tâm mà nói: đó là cống hiến lớn lao của cựu Tổng thống Liên Xô (cũ) M.Gorbachov người đã dám vượt lên bức tường thành của ý thức hệ cộng sản, làm cho toàn thế giới hòa nhập vào nhau để tiến lên, chứ không phải bám chặt quan điểm và hành động đối đầu nhau, thậm chí sẵn sàng tiêu diệt lẫn nhau bằng chiến tranh hạt nhân hủy diệt.

Cho nên khi sang thăm nước Mỹ vào đầu năm 1992 sau lúc từ chức Tổng Thống Liên Xô rồi M.Gorbachov đã nói ở Chicago rằng: ” Tôi đi đến đâu người ta cũng hỏi kỷ nguyên Gorbachov đã chấm dứt chưa ? – và tôi trả lời: kỷ nguyên Gorbachov mới bắt đầu.”

Đúng vậy, sự diễn biến của thế giới sau khi Liên Xô tan rã như kể trên đã khẳng định câu trả lời của M.Gorbachov là rất chính xác, vì kỷ nguyên Gorbachov: hòa bình, đối thoại, hòa giải, hợp tác, dân chủ và phát triển đã và đang không ngừng tiến triển rất khả quan. Do đó, người ta không thể cường điệu (thổi phồng) các cuộc xung đột vũ trang, chiến tranh sắc tộc, tôn giáo, phe phái thù địch trong một nước hoặc giữa hai nước láng giềng nào đó trên thế giới giống như cuộc xung đột vũ trang hoặc chiến tranh về ý thức hệ với qui mô toàn thế giới giữa Đông và Tây (giữa xã hội chủ nghĩa), giữa Liên Xô (cũ) và Mỹ, giữa phe đế quốc chủ nghĩa và phe xã hội chủ nghĩa như trước đây, đặc biệt trong điều kiện Liên Hiệp Quốc ngày nay lại có ý thức và tiềm lực cho phép có thể dập tắt các cuộc xung đột cục bộ, địa phương nói trên.

Từ ý nghĩa đó, chúng ta cần chú ý đến sự đánh giá của dư luận thế giới đối với M.Gorbachov:

- Cựu bộ trưởng ngoại giao Liên Xô (cũ) E. Shevardnaze nói: “M.Gorbachov đã làm một số việc đi vào lịch sử như là một sự nghiệp vĩ đại, là một người đổi mới và một nhà cách mạng”.

- Báo Express News (18/12/1991) viết: ” Nếu Abraham Lincoln được nhớ ơn bởi việc giải phóng nô lệ thì M. Gorbachov cần được ghi công bởi người dân Liên Xô và Đông Âu bị xiềng xích. Cả hai nhân vật này đều đã làm thay đổi số phận hàng triệu người. Cả

hai đều phải được

công nhận là những nhà giải phóng vĩ đại.”

- Trong thông điệp Giáng Sinh (24/12/1991), Tổng thống Mỹ G.Bush tuyên bố: “Nhân danh quốc dân Mỹ, tôi xin tỏ lòng tri ân của tôi tới Tổng thống Gorbachov vì trong bao nhiêu năm qua ông đã kiên quyết bảo vệ hòa bình thế giới, và ông là bậc thức giả rất dũng cảm và nhìn xa trông rộng. Các chính sách của ông đã cho phép nhân dân Nga và các nước Cộng Hòa khác xóa bỏ hàng thập kỷ bị đàn áp và thiết lập nền tảng tự do. Di sản của ông đảm bảo cho ông một chỗ đứng danh dự trong lịch sử và tạo nền tảng chắc chắn cho Mỹ cộng tác một cách xây dựng với những người thừa kế ông.”

- Ngoại trưởng Đài Loan F. Chien nói: “Những nỗ lực của M. Gorbachov nhằm thúc đẩy Đông Âu và Liên Xô tiến tới sự nghiệp giải phóng đã mang lại cho ông một chỗ đứng thích hợp trong lịch sử.”

- Paul Keating – Thủ tướng Úc- đã nhận xét : “Vai trò của Gorbachov trong những năm cuối thế kỷ 20 là có tính chất quyết định và không nghi ngờ gì nữa ông sẽ được là một trong những nhân vật vĩ đại của thời hiện đại.”

- Charles Fiterman – đứng đầu phái cải tổ trong đảng cộng sản Pháp – đã ca ngợi sự sáng suốt và dũng cảm của Gorbachov và nhận xét rằng: “ông (Gorbachov) sẽ được lưu danh trong lịch sử thời đại chúng ta một thời gian dài.”

- Tổng thống Pháp- F.Mitterand đã dành những lời ca ngợi nồng nhiệt nhất cho M.Gorbachov và đánh giá Gorbachov là một trong những nhân vật quan trọng nhất của thế kỷ này”.

- Thủ tướng Anh J.Major nói với các phóng viên rằng: “Có rất ít người có thể thay đổi được xu thế lịch sử. Nhưng Gorbachov làm được , cho dù điều gì đang xảy ra hiện nay, nhưng vị trí của ông trong lịch sử đã được khẳng định”.

- Bà Thatcher- cựu thủ tướng Anh- đã khẳng định: “Gorbachov là một vĩ nhân”.

- Một nhà nghiên cứu về Liên Xô (cũ) tại Sơ-un (thủ đô Nam Triều Tiên) nói rằng: “Gorbachov có thể đi vào lịch sử như một con người vĩ đại, người đã chuyển sự đối đầu thế giới thành hòa giải.”

- Ông Đốp-Đắc-Chaim- chuyên viên của quỹ “di sản” (Mỹ) đã nhận xét : “Gorbachov không thất bại mà là bị nhận chìm trong thành công của chính mình... về 7 năm cầm quyền của ông, người ta sẽ viết và phân tích suốt nhiều thế kỷ.”

Trong lịch sử đối với các bậc vĩ nhân, không chỉ có sùng bái, ca ngợi một chiều mà có cả phản bác, phản đối, lên án, thậm chí đòi đưa ra xử tội. Có bậc vĩ nhân được phụng thờ trong nhiều thập kỷ nhưng càng về sau càng bị quần chúng nhân dân phải đối mặt mẽ dẫn đến hành động đập phá tượng đài, lăng tẩm, di chuyển hài cốt vĩ nhân, đóng cửa thư viện, nhà bảo tàng... vì các học thuyết, quan điểm, giáo huấn của vĩ nhân trong thực tiễn đã gieo rắc biết bao nhiêu thảm họa cho nhân dân.

Độ dài và chiều sâu của sự tôn sùng của đông đảo quần chúng nhân dân đối với các bậc vĩ nhân hoàn toàn lệ thuộc vào sự kiểm nghiệm của thực tiễn lịch sử. Và lại, sự kiểm nghiệm ấy có khi phải kéo dài 50-70 năm thì mới khẳng định được đúng, sai. Vì vậy khi chưa thông qua quá trình kiểm nghiệm cần thiết, nghiêm túc nói trên, nếu có ý kiến tán thành hoặc phản đối đối với các vĩ nhân thì vẫn chưa có cơ sở để coi đó là những ý kiến chính xác, có giá trị được. Giải đáp cho câu hỏi thứ nhất có thể tạm ngưng ở đây.

Bây giờ chúng ta hãy chuyển sang thảo luận, trao đổi với nhau về câu hỏi thứ hai đã nêu trên.

C. Lòng Dân Quyết Định Tất Cả.

Rất đúng, trước đây Hitler đã từng tung ra trên 200 sư đoàn quân tinh nhuệ của chủ nghĩa phát xít Đức bắt ngờ tấn công đất nước Xô Viết vĩ đại nhằm tiêu diệt Liên Xô (cũ)- thành trì của chủ nghĩa cộng sản thế giới- trong một thời gian chớp nhoáng; nhưng nó đã thất bại hoàn toàn vì những người cộng sản và nhân dân Xô Viết anh hùng bao gồm các dân tộc trong Liên Bang đã đứng lên bảo vệ nó với bất cứ giá nào (đã phải hy sinh trên 27 triệu người); còn ngày nay, chính những người cộng sản từ Tổng bí thư, các uỷ viên trung ương, uỷ viên bộ chính trị đến các uỷ viên tỉnh uỷ, thành uỷ về những đảng viên cộng sản trung thực khác cùng với nhân dân Xô Viết, các dân tộc trong Liên Bang đã đứng lên thực hiện sự phủ định đối với đảng cộng sản và Liên Bang Xô Viết thì không có sức mạnh nào có thể ngăn cản nổi. Dòng thác cách mạng dữ dội ấy của quần chúng nhân dân mạnh gấp trăm, ngàn lần so với sức mạnh quân sự của Hitler trước đây.

Liên Xô (cũ)- trung tâm của phong trào cộng sản thế giới- bị sụp đổ không phải do sức tấn công từ bên ngoài mà chính là do sức mạnh nổi dậy từ trung tâm ấy sản sinh ra. Cuộc đảo chánh lật đổ Tổng thống Liên Xô M.Gorbachov (đồng thời 12 tổng bí thư đảng cộng sản Liên Xô) nổ ra ngày 19/08/1991 là sự phản ứng tốt đỉnh của bọn bảo thủ, ngoan cố, phiêu lưu trong đảng cộng sản và nhà nước Liên Xô, muốn chấm dứt công cuộc cải tổ, trào lưu dân chủ – công khai, sự chuyển hướng theo kinh tế thị trường, sự hòa hoãn giữa Đông và Tây (giữa xã hội chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa) nhằm kéo Liên Xô trở về con đường cũ Xtalin; nhưng đảo chánh thất bại đã đưa đến hậu quả tất nhiên: hồi chuông kết thúc vai trò lãnh đạo của đảng cộng sản và sự tồn tại của Liên Bang Xô Viết – Liên Bang áp bức đối với các dân tộc Xô Viết hơn 70 năm qua và các dân tộc khác ở Đông Âu.

Thật ra đã hiểu khi nói rằng cái gì không hợp với lòng dân, với trào lưu lịch sử thì cái đó không thể tồn tại được dù đó là đảng cộng sản Liên Xô, là Liên Bang Xô Viết đã từng giữ vai trò lớn lao trong lịch sử đất nước Xô Viết và thế giới, đã từng lãnh đạo nhân dân quần chúng các dân tộc Liên Xô làm cách mạng, đánh bại phát xít Hitler, giải phóng đất nước Xô Viết và nhiều dân tộc khác trên thế giới: nhưng ngày nay lại trở thành đối tượng cách mạng mà quần chúng nhân dân phải vùng lên lật đổ.

Điều này càng cắt nghĩa rõ bài học ở Đông Âu vừa qua: không phải quân đội Mỹ kéo vào để lật đổ các nước xã hội chủ nghĩa và các nước đảng cộng sản tại đây mà chính là nhân dân – những người đã từng chịu sự lãnh đạo của các đảng cộng sản suốt 45 năm dài đã qua, trong tay không có một thứ vũ khí nào, đã đứng lên thực hiện sự lật đổ ấy, do lòng căm phẫn cao độ của họ đối với chế độ và sự lãnh đạo của các đảng cộng sản đã trở nên lỗi thời, không còn phù hợp nữa.

Nguyên nhân cơ bản của tình hình trên là vì các đảng cộng sản, sau khi giành được chính quyền rồi thì ngày càng quan liêu, xa rời quần chúng, độc đoán chuyên quyền, độc tài tàn bạo, coi thường tâm tư, nguyện vọng và yêu cầu của quần chúng, thậm chí chà đạp lợi ích của họ, đã phạm nhiều sai lầm nghiêm trọng, liên tục, kéo dài, rất bảo thủ, ngoan cố nên không thể không bị quần chúng lật đổ.

Rõ ràng, các đảng cộng sản tuy có vai trò lãnh đạo, nhưng lại không tiến kịp với đà phát triển của lịch sử và nghiêm nhiên trở thành chướng ngại đối với sự tiến hóa của xã hội. Do đó, đến lượt các đảng cộng sản không thể tránh khỏi qui luật đào thải – bị quần chúng gạt ra bên lề lịch sử. Bài học đắt giá của các đảng cộng sản Đông Âu, Liên Xô là như thế đó.

D. Bám Chặt Cái Đũa Lỗi Thời : Chủ Nghĩa Xã Hội Đói Nghèo, Lạc Hậu Và Đắm Máu.

Nó hoàn toàn đúng khi có người nói: ” Sau hơn 70 năm thử nghiệm ở Liên Xô (cũ), chủ nghĩa cộng sản đã hoàn toàn thất bại” “ chủ nghĩa cộng sản là một lý tưởng cao đẹp nhưng khi thực hành thì đầy thảm họa”.

Chủ nghĩa xã hội ở Đông Âu, Liên Xô sụp đổ (1990-1991) sau hơn 70 năm thực nghiệm cho phép người ta khẳng định chủ nghĩa Mác – Lenin, chủ nghĩa cộng sản đã lỗi thời, phá sản, không còn là niềm tin, hy vọng đông đảo của quần chúng nhân dân nữa. Chủ nghĩa xã hội trong thực tiễn của nhiều thập kỷ đã phơi bày đầy đủ bản chất của nó : độc tài về kinh tế và độc tài về chính trị – bằng độc quyền lãnh đạo của đảng cộng sản, tước đoạt tất cả sở hữu về tư liệu sản xuất của cá thể, tư nhân, tư bản chủ nghĩa và tước đoạt mọi quyền dân chủ tự do của nhân dân như: tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do biểu tình, đình công.

Từ đó, chế độ xã hội chủ nghĩa tồn tại chủ yếu dựa trên cơ sở bạo lực (công an, quân đội và công cụ của đảng cộng sản, chứ không phải là công cụ của nhân dân), để đàn áp, bắt bớ giam cầm những ai không “ăn cánh” với đảng, thậm chí bắn giết tàn bạo, diệt chủng dã man (ở Liên Xô cũ trước đây, trong những thập kỷ 30-40-50, Xtalin đã từng giết hại, tra tấn tù đầy hàng triệu người dân Xô Viết và cán bộ đảng viên vô tội; ở Trung Quốc trong những năm 50-60, khi tiến hành công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa đối với nông nghiệp, công thương nghiệp tư bản tư doanh, thành lập xã hội nhân dân (đại nhảy vọt), cách mạng văn hóa vô sản. Mao Trạch Đông – Giang Thanh và lũ tay sai khát máu đã giết hại, tra tấn, tù đầy hàng chục triệu người dân Trung Quốc lương thiện và cán bộ đảng viên vô tội.

Đặc biệt càng kinh ngạc là nhiều nhà lãnh đạo kỳ cựu của đảng cộng sản Trung Quốc, cùng hoạt động cách mạng một thời với Mao Trạch Đông như : Lưu Thiếu Kỳ, Bành Đức Hoài, La Thụy Khanh, Hạ Long... cũng bị hành hình, giết hại một cách thê thảm, và càng kinh khủng hơn nữa là cuộc tàn sát đẫm máu đối với cuộc biểu tình đòi dân chủ, chống tham nhũng của hàng ngàn, hàng vạn sinh viên, trí thức và các tầng lớp nhân dân Trung Quốc ngày 04/06/1989 tại Thiên An Môn (Bắc Kinh);đó là điển hình của một chế độ Phát-xít tàn bạo.

Cũng như ở Campuchia trong những năm 70, Pôn-Pốt, Iêng-Sarry nhân danh những người lãnh đạo đảng cộng và nhà nước Campuchia đã bắt bớ, giam cầm, tra tấn, giết hại bằng nhiều cách rất dã man hàng triệu người dân Campuchia và cán bộ đảng viên vô tội.

Rõ ràng, chính bản chất độc tài cả về kinh tế và chính trị, đi ngược qui luật khách quan mà chế độ xã hội chủ nghĩa tự bản thân nó tất nhiên đã giam hãm đất nước, nhân dân trong cảnh đói nghèo, lạc hậu triền miên, do đó không tạo ra được một năng xuất lao động cao, một sự phồn vinh sống động và ấm no hạnh phúc cho nhân dân (thu nhập bình quân đầu người rất thấp :Việt Nam 200 đôla, Trung Quốc 360 đôla... trong khi ở các nước tư bản chủ nghĩa :Nam Triều Tiên 5.500 đôla, Đài Loan trên 10.000 đôla, Singapo 12.000 đôla, Nhật Bản 23.000 đôla, Thủy Sĩ 27.000 đôla...)

Do đó, người ta không thể kinh ngạc khi nghe nói rằng phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa “ưu việt”- thực tế thì yếu kém, trì trệ – lại sẽ “thay thế” phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa rất hoàn thiện, có đầy đủ sức mạnh áp đảo cả về kinh tế và chính trị hiện

nay trên thế giới.

Sở dĩ có chuyện ngược đời như vậy là vì trong chủ nghĩa xã hội, lợi nhuận được hiểu một cách lệch lạc, trở thành đối tượng bị lên án và tiêu diệt; trong khi đó lịch sử thực tiễn đã cho thấy rằng lợi nhuận chính là động lực vô cùng quan trọng, nó thúc đẩy sản xuất, kinh tế phát triển phi mã, xã hội không ngừng phát triển toàn diện và thực tế chính lợi nhuận đã đưa đến xã hội loài người đạt đến trình độ văn minh ở đỉnh cao ngày nay.

Khác với thuyết “thặng dư giá trị” và ” đấu tranh giai cấp”, lợi nhuận đã tạo dựng nên sự nghiệp lớn lao, chối lợi cho loài người ngày nay. Điều đó có nghĩa là không có nó sẽ không có tất cả.

Tóm lại chủ nghĩa xã hội trên hai mặt có tính chất quyết định – kinh tế và chính trị – là một chế độ xã hội không hợp lòng dân và trào lưu tiến hóa của lịch sử, nên nó đã bị bác bỏ ở khắp mọi nơi.

Tuy nhiên, hiện đang có nhiều ý kiến khẳng định rằng “chủ nghĩa Mác Lenin – chủ nghĩa cộng sản – không thể phá sản, lỗi thời mà nó đang phát triển mạnh ở Trung Quốc và VN. Sự sụp đổ ở Đông Âu và Liên Xô chẳng qua là những hiện tượng khó khăn tạm thời trong quá trình phát

triển của xã hội loài người. Trong tương lai xã hội chủ nghĩa sẽ được khôi phục ở các nước nói trên vì chủ nghĩa xã hội là nguyện vọng thiết tha của quần chúng nhân dân các dân tộc”.

Do đó, đối với những ý kiến quan điểm nêu trên không thể khác được là cần phải trao đổi, thảo luận, phân tích một cách nghiêm túc: “Chủ nghĩa xã hội đang được xây dựng, phát triển ở Trung Quốc và Việt Nam ra sao ?

E. Chủ Nghĩa Xã Hội Hay Là Chủ Nghĩa Tư Bản ? Khôn Ngoan Và Trung Thực.

Trung Quốc và VN – hai nước xã hội chủ nghĩa ở Châu Á- đã có nhận thức sớm là phải cải cách, đổi mới kinh tế, vì nếu cứ làm ăn theo lối cũ mãi thì sẽ không bao giờ có chủ nghĩa xã hội – một xã hội phồn vinh, giàu có, ấm no hạnh phúc.

Cải cách ở Trung Quốc và đổi mới ở VN nói chung có nhiều điểm giống nhau: phục hồi kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân (tư bản trong nước) thậm chí mở cửa cho phép các nhà tư bản nước ngoài đầu tư, khai thác, kinh doanh tại nước mình tuy vẫn duy trì chế độ công hữu về tư liệu sản xuất (sở hữu toàn dân, tập thể- xí nghiệp quốc doanh, nông trang tập thể); thực hiện một nền kinh tế thị trường có nhiều thành phần, có lợi nhuận, có cạnh tranh.

Điều có ý nghĩa quan trọng là kinh tế cá thể, tư nhân (tư bản trong nước) được phục hồi cùng với những hoạt động, kinh doanh của các công ty tư bản nước ngoài thì nền kinh tế ở mỗi nước (Trung Quốc, Việt Nam) trở nên sôi động với nhịp độ phát triển nhanh và cao, có một bộ mặt mới hẳn về kinh tế và đời sống, được dư luận rộng rãi trên thế giới hoan nghênh- điều mà trước đây chưa hề xảy ra.

Từ thực tiễn đó đã bắt đầu có ý kiến trong cơ quan lãnh đạo của đảng cộng sản Trung Quốc rằng: “có thể sử dụng những yết tố, hình thức, khía cạnh của chủ nghĩa tư bản để phục vụ cho chủ nghĩa xã hội” và đến năm 1992 nhà lãnh đạo kỳ cựu của đảng cộng sản Trung Quốc Đặng Tiểu Bình lại nhấn mạnh: “Trung Quốc cần học tập chủ nghĩa tư bản, làm theo mô hình tư bản chủ nghĩa”, “không nên câu nệ mèo đen hay mèo trắng miễn là nó bắt được chuột”.

Tuyên bố này được phổ biến rộng rãi khi Tổng bí thư Giang Trạch Dân phát biểu ý kiến với sinh viên Bắc Kinh giữa năm 1992.

Lời tuyên bố ấy của ông Đặng Tiểu Bình có ý nghĩa rất quan trọng ở chỗ là từ trước tới nay, trong phong trào cộng sản quốc tế chưa hề có những ý kiến phát biểu như vậy, vì nó trái hẳn với chủ nghĩa Mác Lenin và tất nhiên nó sẽ được coi là “hành vi phản bội” chủ nghĩa Mác Lenin. Bởi lẽ, theo tư tưởng Mác Xít, Lê-Nin-Nít, chủ nghĩa xã hội có thể tồn tại trên cơ sở phải tiêu diệt chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất (sở hữu cá thể, tư nhân) – môi trường sản sinh ra chủ nghĩa tư bản, ra giai cấp người bóc lột người, để thiết lập một chế độ công hữu về tư liệu sản xuất (sở hữu toàn dân, tập thể)- “nền tảng vững chắc của chủ nghĩa xã hội”. Cho nên sự tồn tại và phát triển của kinh tế cá thể, tư nhân, tư bản chủ nghĩa với lợi nhuận, cạnh tranh và giai cấp người bóc lột người – đối kháng của chủ nghĩa xã hội thì không thể gọi là chủ nghĩa xã hội được.

Sở dĩ Trung Quốc đạt được thành quả lớn lao về kinh tế như ngày nay sau 14 năm cải cách và mở cửa là nhờ có trên 80 tỉ đôla đồng vốn của tư bản nước ngoài đổ vào Trung Quốc và hàng năm (1991-1992) Trung Quốc có được số vốn nước ngoài 10 tỉ đôla – điều mà trước đây đảng cộng sản Trung Quốc nằm mơ cũng không hề có. Thị trường chứng khoán cổ máy cái của nền kinh tế tư bản chủ nghĩa – được mở ra và phát triển mạnh mẽ ở Thẩm Quyển rồi lần lượt ở nhiều nơi khác của Trung Quốc; những đặc khu kinh tế được xây dựng ở Quảng Đông, các vùng ven biển càng làm cho nền kinh tế Trung Quốc mang đậm dấu ấn của chủ nghĩa tư bản. “Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc” là “chủ nghĩa xã hội” không theo tư tưởng Mác Lenin, đảo ngược hoàn toàn chủ nghĩa Mác Lenin. “Chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc” là chủ nghĩa tư bản đích thực ở Trung Quốc. Như vậy chủ nghĩa tư bản được xây dựng ở Trung Quốc chính là thông qua sự lãnh đạo vòng vèo đầy mưu lược của đảng cộng sản Trung Quốc – đảng của chủ nghĩa Mác Lenin(?). Phải chăng đây là nghịch lý, ngược đời ?

Tuyên bố:

“Học tập chủ nghĩa tư bản Làm theo mô hình tư bản chủ nghĩa” là lời tuyên bố dũng cảm, đầy tinh thần cách mạng sáng tạo cầu thị của nhà lãnh đạo cao niên (88 tuổi) Đặng Tiểu Bình. Lời tuyên bố ấy bao hàm ý thức thừa nhận rằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là phương thức sản xuất hoàn thiện nhất của xã hội loài người ngày nay; nó có sức thu hút, quyết rũ lạ thường và đáp ứng kịp thời mọi yêu cầu của nhân dân, của xã hội.

Cho nên nói chung phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa “ưu việt”(?) “sẽ thay thế” phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ” đã lỗi thời”(?) là điều rất ảo tưởng. Nó “ưu việt” nhưng đã tan rã đồng loạt kể cả Trung Quốc và VN thì lấy gì để thay thế cái “đã lỗi thời” đang rất hùng mạnh kia ?

Đại hội lần thứ 14 của đảng cộng sản Trung Quốc (12-18/10/1992) vừa qua đã mở ra chân trời sáng lạn cho sự phát triển tư bản chủ nghĩa của Trung Quốc mà không sợ bị cản ngăn, làm đảo ngược bởi lực lượng bảo thủ, vì nó được nhân dân Trung Quốc trên 1 tỉ người ủng hộ, bảo vệ. Trong một tương lai không xa, Trung Quốc sẽ trở thành một trong những nước tư bản chủ nghĩa hùng mạnh nhất ở Châu Á Thái Bình Dương.

Còn đối với Việt Nam thì sao ? quyết tâm vẫn là “con đường xã hội chủ nghĩa”. Vậy nội dung, thực chất của định hướng xã hội chủ nghĩa ở VN cụ thể là như thế nào ? Từ phương thức sản xuất chủ nghĩa xã hội giáo điều: tập trung, quan liêu, bao cấp dẫn đến hậu quả đói nghèo, lạc hậu triền miên, VN buộc phải đổi mới : xây dựng một nền kinh tế thị trường với nhiều thành phần khác nhau trong đó điều quan trọng là khôi phục kinh tế cá thể, kinh tế tư nhân (tư bản trong nước) và mở cửa cho tư bản nước ngoài vào đầu tư, kinh doanh, khai thác.

Đối với kinh tế tập thể, quốc doanh, cái nào làm ăn thừa lỗ (phần nhiều thừa lỗ), khó tồn tại được thì cho phá sản, giải thể. Cạnh tranh là thách thức lớn đối với hai loại hình kinh tế này.

Trong mấy năm gần đây (90-91-92), hàng năm có trên 3.000 đoàn nước ngoài (năm sau cao hơn năm trước) mà đại bộ phận là các nhà kinh doanh tư sản vào thăm VN. Ngược lại, với hoạt động ngoại giao nhằm mục tiêu thúc đẩy phát triển kinh tế của đất nước, các đoàn đại biểu chính thức của nhà nước VN đã đi thăm chủ yếu các nước tư bản ở Châu Á, Châu Âu, Châu Úc, Châu Mỹ cụ thể các nước như : Thái Lan, Ma-lai-si-a, Xin-ga-po, Phi-lipin. Indonesia, Bơ-ru-nây, Ấn Độ,... Pháp, Đức, Thụy Điển, Hà Lan,... Mỹ, Úc...

Trong 5 năm từ khi có luật đầu tư của người nước ngoài tại VN (1988-1992), nhà nước đã cấp 555 giấy phép cho các công ty với tổng số vốn đầu tư đăng ký là 4 tỷ 527 triệu USD gồm :

- 500 xí nghiệp liên doanh.
- 66 xí nghiệp 100% vốn nước ngoài.
- 59 hợp đồng hợp tác kinh doanh.
- 23 dự án dầu khí theo hình thức phân chia sản phẩm.

Các tổ chức kinh doanh, doanh nghiệp từ 40 nước đã tham gia đầu tư tại VN vào các ngành như : công nghiệp dầu khí, nông lâm nghiệp, ngư nghiệp, giao thông vận tải và bưu điện, khách sạn, du lịch, dịch vụ, tài chính, ngân hàng,... Có trên 15 công ty nước ngoài đang thăm dò, khai thác dầu mỏ ở thềm lục địa Việt Nam.

Công cuộc xây dựng đất nước VN ngày nay, qua đổi mới, chủ yếu dựa vào các yếu tố như sau:

- Đồng vốn của tư bản nước ngoài (gần 5 tỷ đôla Mỹ)
- Công nghệ, máy móc thiết bị hiện đại của các nước tư bản tiên tiến.
- Kinh nghiệm quản lý kinh tế tiên tiến của các nước tư bản.
- Công tác đào tạo cán bộ toàn diện rất hoàn thiện của các nước tư bản tiên tiến.

Tất cả tình hình nói trên cho thấy định hướng chiến lược của VN không phải là định hướng xã hội chủ nghĩa mà thực chất là định hướng tư bản chủ nghĩa : không phải là cuộc đấu tranh giai cấp quyết liệt nhằm tiêu diệt chủ nghĩa tư bản mà là sự thỏa hiệp, dè dặt, hợp tác giai cấp thậm chí liên minh giai cấp được thể hiện khi VN xin tham gia hiệp ước Ba-li và hiệp hội Asean – một tổ chức trước kia được coi là “công cụ xâm lược của Mỹ” ở Đông Nam Á Châu và được Asean chấp thuận với tư cách quan sát viên. Sở dĩ có được kết quả tốt đẹp như vậy không phải chỉ do sự khéo léo trong hoạt động ngoại giao của phía VN mà điều quan trọng có tính quyết định là Asean nhận thấy sự diễn biến ở VN, đặc biệt là về kinh tế trong vài ba năm gần đây (90-91-92) đi ngoài dự đoán của họ, nghĩa là về tính chất, nó có cái gì đó giống nền kinh tế của họ, nếu chưa phải 100%, thì cũng đã đạt tới 85-90% rồi, và nó sẽ không thể nào đảo ngược được mặc dù VN vẫn tuyên bố mình là “nước xã hội chủ nghĩa”. Chớ có lẽ Asean lại kết nạp một nước kẻ thù địch thực muốn tiêu diệt họ như trước đây vào tổ chức hiệp hội Đông Nam Á của họ sao?

Rõ ràng thuyết đấu tranh giai cấp và ý thức hệ Mác Xít trong điều kiện kể trên của ngày nay từ đó đã lỗi thời và phá sản. Hiện nay đang diễn ra hiện tượng quốc tế hóa nền kinh tế thế giới tức giữa nền kinh tế các nước có sự tác động xen kẽ lẫn nhau: nền kinh tế của một nước chịu sự tác động của nhiều nước ngược lại, một nước có thể tác động vào nền kinh tế của nhiều nước (nước Mỹ, nước Nhật tác động vào nền kinh tế của nhiều nước, ngược lại, nhiều nước khác lại tác động vào nền kinh tế của nước Mỹ, nước Nhật.) Hiện tượng quốc tế hóa nền kinh tế thế giới ấy xuất hiện từ sau chiến tranh thế giới thứ 2 (1945-1946) và phát triển chủ yếu trong phạm vi từng khối riêng biệt : tư bản chủ nghĩa, xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt sau khi chiến tranh lạnh chấm dứt (1990-1991) hiện tượng quốc tế hóa nền kinh tế thế giới mang tính chất tư bản hóa, thực dân hóa càng có điều kiện phát triển rộng khắp và mạnh mẽ hơn, vì vậy, cải cách và mở cửa một nước

xã hội chủ nghĩa nào đó là điều kiện tất yếu dẫn đến quốc tế hóa tức tư bản hóa, thực dân hóa nền kinh tế của nước đó.

Nếu trước đây VN đã từng đấu tranh chống thực dân cũ và thực dân mới bằng võ trang suốt mấy mươi năm để bảo vệ độc lập, tự do và chủ quyền toàn vẹn của đất nước mình thì ngày nay, VN với chính sách đổi mới và mở cửa lại sẵn sàng đón nhận hàng chục (hiện đã có 40 quốc gia) thậm chí hàng trăm nước tư bản, thực dân (sau khi Mỹ bỏ cấm vận) vào nước mình để khai thác, kinh doanh kiếm lời. Và lại, khi nền kinh tế của VN được quốc tế hóa tức tư bản hóa, thực dân hóa thì hai chữ độc lập của VN cũng cần được hiểu khác đi, linh hoạt hơn so với trước đây (ngay với nền độc lập của nước Mỹ cũng phải hiểu như vậy).

Tất nhiên, “định hướng xã hội chủ nghĩa” của VN lúc bấy giờ được ví như cái mũ mà người ta đội lên đầu đất nước mình; còn thực tế toàn bộ sự vận hành của nền kinh tế thị trường VN vẫn phát triển theo qui luật của nó theo con đường tư bản chủ nghĩa hay còn được gọi là mô hình tư bản chủ nghĩa – dẫn đến phồn vinh, giàu có, ấm no, hạnh phúc, dân chủ tự do, văn minh hiện đại.

Điều mà ai nấy cũng có thể thấy rõ là sau khi Mỹ hủy bỏ cấm vận đối với VN thì sẽ có hàng trăm, hàng ngàn công ty nước ngoài kéo vào làm ăn với VN. Các đặc khu kinh tế tự do, các thị trường chứng khoán, các chi nhánh ngân hàng các nước, các xí nghiệp 100% vốn nước ngoài, các xí nghiệp liên doanh trên các lĩnh vực : công nghiệp, nông lâm nghiệp, thủy sản, giao thông, vận tải và bưu điện... sẽ được mở ra hoạt động kinh doanh xây dựng và phát triển mạnh mẽ. Hoạt động của các công ty xí nghiệp nói trên sẽ góp phần quan trọng làm biến đổi nhanh chóng bộ mặt kinh tế và đời sống VN, đưa VN mau lẹ thoát khỏi đói nghèo, lạc hậu kéo dài, đạt đến phồn vinh, giàu có, thậm chí có thể trở thành một trong những con rồng thần kỳ của Châu Á: nhưng những kết quả hoạt động ấy tất nhiên không phải là để củng cố phát triển chủ nghĩa xã hội mà chính là để củng cố phát triển chủ nghĩa tư bản ở VN.

Chớ không lẽ, bằng chính sách đổi mới và mở cửa, đảng cộng sản VN lại có thể lãnh đạo cả thế giới tư bản (gồm hàng trăm nước) như: Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Canada (G7- giàu nhất), Nam Triều Tiên, Đài Loan, Malaysia, Xingapo, Hồng Kông, Indonesia, Thái Lan, Úc, Hà Lan, Thụy Điển, Ấn Độ, Mexico,... đến VN xây dựng chủ nghĩa xã hội cho mình sao? Như vậy có ngược đời không?

Phải chăng đảng cộng sản VN lại có ý định cho các nước tư bản vào làm ăn một thời gian có tính chất “vỗ béo” để rồi sau đó, với chiến lược “xã hội chủ nghĩa”- đấu tranh giai cấp quyết liệt ai thắng ai giữa hai con đường : tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa- của mình sẽ tiến hành cải tạo, tước đoạt tất cả tài sản của “bọn họ” (bọn tư bản) và đuổi họ về nước như đã từng làm trước đây? Nhưng liệu đảng cộng sản VN có khả năng làm nổi công việc đầy tính mạo hiểm ấy không? Bài học: ngạo nghễ, thách thức, phiêu lưu của Saddam Hussein đã buộc nhân dân Iraq phải trả một giá quá đắt cho cuộc chiến tranh vùng vịnh : đất nước đầm máu, tan tành, hy sinh quá lớn lao và vô nghĩa, đói khổ, chết chóc và tui nhục kéo dài.

Hay phải trung thực nhìn nhận rằng chính sách đổi mới và mở cửa của đảng cộng sản VN đã tạo mọi điều kiện thuận lợi cho chủ nghĩa tư bản giành toàn thắng trên đất nước mình; đồng thời phủ định cái “chủ nghĩa xã hội” nghèo đói, lạc hậu và lỗi thời mà lâu nay vẫn được áp ụ tại đây.

Trước tình hình cả thế giới xã hội chủ nghĩa (Liên Xô, Đông Âu, Mông Cổ) sụp đổ, bên cạnh thế giới tư bản chủ nghĩa hùng mạnh đang tồn tại và quay tít về phía trước, VN tình nguyện “hòa nhập” vào cộng đồng thế giới tức cộng đồng tư bản chủ nghĩa thì VN cũng phải quay tít theo guồng máy tư bản chủ nghĩa nói trên, tuy VN còn thích đội cái mũ “xã hội chủ nghĩa”. Ngoài ra không có sự chọn lựa nào khác cả.

Rõ ràng hiện nay, VN thực tế đang chuyển từ chủ nghĩa xã hội sang chủ nghĩa tư bản quay 180 độ. Đó là điều không thể đảo ngược được. Vấn đề còn lại là phải có một tinh thần thật sự cầu thị, dám nói thẳng, nói thật. Đáng lẽ phải nói: Thừa các ngài tư bản, Từ lâu, đi theo chủ nghĩa Mác Lenin, chúng tôi đã tiên hành cuộc đấu tranh quyết liệt nhằm tiêu diệt chủ nghĩa tư bản của các ngài và thật sự, chúng tôi – phe xã hội chủ nghĩa – đã tiêu diệt được chủ nghĩa tư bản của các ngài trên qui mô rộng lớn của thế giới trong một thời gian khá dài.

Thế nhưng chúng tôi đã thất bại do không tuân thủ qui luật khách quan trong việc xây dựng một phương thức sản xuất mới nhưng rất yếu đuối, trì trệ, không đem lại một năng suất lao động cao, một sự phồn vinh và cuộc sống tự do, ấm no hạnh phúc cho nhân dân, xã hội và do đó, nó không có khả năng gì để thay thế phương thức hấp dẫn, thu hút mạnh mẽ của các ngài, và nó đã sụp đổ. Vì vậy, giờ đây chúng tôi thấy phải học tập các ngài, học tập chủ nghĩa tư bản, mà theo mô hình tư bản chủ nghĩa của các ngài và tất nhiên phải từ bỏ chủ nghĩa Mác Lenin – chủ nghĩa cộng sản – đã quá lỗi thời để tiến kịp theo các ngài trên con đường tiến hóa của lịch sử.

Đối với VN chúng tôi hiện nay: Tổ Quốc giàu có, hùng mạnh, nhân dân tự do, ấm no hạnh phúc là trên tất cả.

(viết xong ngày 19/01/1993 lúc còn đang bị quản thúc tại gia từ 07/09/1993 đến 19/01/93 ở TP Hồ Chí Minh)

Phần 2

Tư Bản Chủ Nghĩa Con Đường Không Thể Đảo Ngược Được

A.- Mác-Lênin Với Chủ Nghĩa Tư Bản.

Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ra đời cách đây khoảng trên 300 năm (thế kỷ 17) là đối tượng nghiên cứu của Các-Mác và Ăn-ghe-n – hai nhà thủy tổ của chủ nghĩa cộng sản. Do đó bản tuyên ngôn của Đảng cộng sản mà Mác và Ăn-ghe-n là đồng tác giả đã được ông bố vào năm 1848, cách nay 145 năm, phân tích những mâu thuẫn, những mặt tiêu cực, yếu kém của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa và bản chất áp bức, bóc lột thậm tệ của giai cấp tư sản lúc bấy giờ. Mác và Ăn-ghe-n đã đi đến kết luận xã hội rằng chủ nghĩa tư bản nhất định diệt vong, phương thức sản xuất xã hội chủ nghĩa sẽ thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, cản ngại lớn của lịch sử tiến hóa của xã hội loài người.

Vả lại, trên thực tế, chủ nghĩa tư bản đã bị tiêu diệt ở nhiều nước mà nền kinh tế còn rất lạc hậu, nghèo nàn (kinh tế tư bản chưa phát triển cao) như các nước Nga, Trung Quốc, Việt Nam, Mông Cổ, An-ba-ni, Ru-mani, Hung-ga-ri,... Đến khi Lê Nin với thắng lợi của cuộc cách mạng Tháng 10 Nga năm 1917, càng khẳng định chủ nghĩa tư bản phát triển đến thời kỳ đế quốc chủ nghĩa là đêm trước của cách mạng vô sản và xã hội chủ nghĩa trên phạm vi toàn thế giới.

Thế nhưng kể từ khi có Tuyên Ngôn của đảng cộng sản (của Mác, Ăn-ghe-n) và quan điểm của Lê Nin về chủ nghĩa đế quốc đến nay (145 năm) lại chưa hề có cuộc cách mạng vô sản bằng bạo lực nào xảy ra ở các nước tư bản phát triển nhất (thành đế quốc chủ nghĩa) như: Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Canada... bởi vì tại đây, các Đảng cộng sản đều không tán thành cách mạng vô sản – cách mạng bạo lực – và chuyên chính vô sản, độc quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản, mà chủ trương đấu tranh bằng phương thức hoà bình: đấu tranh nghị trường với sự liên minh của nhiều đảng phái, lực lượng cấp tiến, đấu tranh bằng đình công, biểu tình... cho lợi ích dân sinh, dân chủ của nhân

dân lao động; cho hoà bình hữu nghị giữa các dân tộc, cho tiến bộ xã hội: và cũng vì tính chất ấy mà Đảng cộng sản Anh đổi tên thành Đảng dân chủ xã hội; Đảng cộng sản Ý đổi thành Đảng dân chủ cánh tả vào những năm 1990 – 1991,...

B.- Tại Sao Chủ Nghĩa Xã Hội Hiện Thực “Tan Rã” ?

Còn chủ nghĩa xã hội được xây dựng ở các nước nông nghiệp, phong kiến lạc hậu như đã nói trên trong suốt 45 năm hoặc trên 70 năm tuy có đạt được những thành quả nhất định về các mặt: kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, giáo dục, ý tế, đời sống vẫn lâm vào tình trạng trì trệ.

Khủng hoảng kéo dài thậm chí đưa đến sự sụp đổ của “chủ nghĩa xã hội hiện thực” hồi năm 1990-1991 (Đông Âu, Liên Xô, Mông Cổ...) do sự vận động của nó trái với qui luật khách quan (chuyên chế toàn diện: độc tài về kinh tế, độc tài về chính trị và các mặt khác; tiêu diệt kinh tế cá thể, tư nhân, bóp nghẹt dân chủ tự do là nguyên nhân chính yếu của sự sụp đổ ấy. “Chủ nghĩa xã hội hiện thực” tan rã và việc không hề xảy ra cách mạng vô sản, xã hội chủ nghĩa ở các nước tư bản tiên tiến nhất theo như dự đoán của Mác, Ăn-ghen, Lê Nin; đồng thời kinh tế cá thể tư nhân (tư bản) được phục hồi ở các nước XHCN đã tan rã và chưa tan rã, thì lấy phương thức sản xuất nào để thay thế phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đang là phương thức sản xuất hoàn chỉnh nhất, hùng mạnh nhất của xã hội loài người ngày nay ? và dựa vào cơ sở thực tiễn nào để nói rằng chủ nghĩa tư bản nhất định diệt vong ? (nếu nói theo cảm tính, quán tính hoặc theo sách vở, giáo điều thì có giá trị gì ?)

C.- Chủ Nghĩa Tư Bản Tồn Tại Như Thế Nào ?

Người ta biết rằng trên 300 năm tồn tại và phát triển của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa là một quá trình đầy thử thách; khủng hoảng kinh tế định kỳ rất trầm trọng (hàng hoá dư thừa, ế ẩm do bán không được phải đem ra biển đổ hoặc đốt đi), nhân dân lao động sống lầm than, đói rách do bị áp bức bóc lột nặng nề phải vùng lên đấu tranh tự cứu lấy mình bằng đình công, biểu tình nhiều lúc có cả bạo lực; hai lần chiến tranh thế giới (1914-1918 và 1940-1945) bùng nổ giữa các nước tư bản mất đi một số nước (trở thành nước xã hội chủ nghĩa). tất cả tình hình ấy làm cho chủ nghĩa Mác-Lênin, chủ nghĩa xã hội- chủ nghĩa cộng sản càng có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với nhân dân lao động và các dân tộc trên thế giới.

Tuy nhiên, các nhà thủy tổ của chủ nghĩa cộng sản chỉ thấy chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn máy hơi nước (thế kỷ 19) và máy điện (đầu thế kỷ 20-hồi Lê Nin), chớ không hề thấy chủ nghĩa tư bản ở giai đoạn của vũ khí hạt nhân, nguyên tử, của tin học, máy vi tính, rô-bốt (người máy), vệ tinh nhân tạo, con tàu vũ trụ bay vào không gian và lắp ghép với nhau, con người lên mặt trăng thám hiểm và dự định sẽ sinh sống tại đó,... Các nhà kinh điển của chủ nghĩa cộng sản chủ yếu nhìn thấy sâu sắc những mặt tiêu cực, khuyết tật của chủ nghĩa tư bản để từ đó rút ra kết luận và không bao giờ nghĩ rằng chủ nghĩa tư bản trong quá trình phát triển đầy thử thách ấy, nó lại có nhiều khả năng tự điều chỉnh mình, tự cải tạo, thậm chí “lột xác” để tiến lên bằng tiềm năng kho học kỹ thuật, bằng trình độ tổ chức quản lý, bằng sức sáng tạo và nhiều chính sách xã hội hợp lý khác.

Cho nên, trái hẳn với dự đoán của Mác-Lênin, chủ nghĩa tư bản đã tồn tại cho đến ngày nay (1993) trên 300 năm và chưa bao giờ chủ nghĩa tư bản phát triển hùng mạnh như bây giờ, và nhờ vậy nó đã đưa xã hội loài người đến đỉnh cao của nền văn minh. Với tuổi tác đó, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa không những không già nua mà trái

lại, nó giống như một lực sĩ còn rất sung sức với đầy đủ khả năng đáp ứng các nhu cầu toàn diện và phức tạp của loài người. Như vậy, chủ nghĩa tư bản, trên cơ sở hùng mạnh có một không hai và chưa từng có trong lịch sử, có thể tiếp tục tồn tại và phát triển lâu dài hơn so với thời gian tồn tại và phát triển đã qua. (trên 3 thế kỷ) của nó.

D.- Chủ Nghĩa Tư Bản Đi Đến Diệt Vong Dưới Dạng Nào ?

Câu hỏi được đặt ra là chủ nghĩa tư bản có diệt vong không và bao giờ? Như mọi sự vật trong thế giới tự nhiên, chủ nghĩa tư bản cũng không thể đứng ngoài qui luật của nó: có sanh, có tử, có phát sinh, phát triển và tiêu vong. Nhưng có điều có thể khẳng định là chủ nghĩa tư bản sẽ không diệt vong bởi cuộc cách mạng vô sản- bạo lực của Đảng cộng sản, vì điều đó đã từng diễn ra và đã thất bại rồi (“chủ nghĩa xã hội hiện thực” sụp đổ trên phạm vi thế giới năm 1990-1991). Tuy nhiên đến lúc nào đó, chủ nghĩa tư bản cũng sẽ tiêu vong bởi những mâu thuẫn nội tại do phương thức sản xuất của nó tạo ra, chứ không phải bằng một áp lực từ bên ngoài, giống như khi trái chín, nó rụng, chứ không phải nó bị người ta hái đi trước thời gian nó chín.

Sự phát triển của xã hội loài người đã trải qua nhiều giai đoạn với những thay đổi lớn lao: “văn minh nông nghiệp (làng, xã), “văn minh công nghiệp” (thành phố và hiện nay đang bước vào giai đoạn của “văn minh trí tuệ” (chất xám) ” – theo nhận định của nhà tương lai học người Mỹ Alvin Toffler. Do đó những năm cuối của thế kỷ 20 này và đầu thế kỷ 21 tới đây, mọi vấn đề trong xã hội sẽ được giải quyết bằng máy tính điện tử, máy vi tính. Không những trong lĩnh vực sản xuất mà cả trong lĩnh vực kinh doanh, công tác, phục vụ, dịch vụ cũng đều sử dụng máy tính điện tử, máy vi tính. Chính thời đại bùng nổ thông tin – thời đại của máy tính điện tử, máy vi tính – đã giúp chúng ta (người Việt Nam) có thể ngồi tại nhà mình và thông qua vệ tinh nhân tạo và máy truyền hình màu mà xem được “Thế vận hội” ở Mockba, Mehico, Bắc Kinh, Xê-un, Bắc-xê-lô-na... và các trận đá bóng ở thủ đô các nước trên thế giới, hoặc như người dân Nga ngồi tại Mockba có thể đối thoại với người dân Mỹ đang ngồi tại Hoa-Thanh-Đôn cũng thông qua các phương tiện thông tin nói trên. Thật là kỳ diệu nền “văn minh trí tuệ” (chất xám, khoa học kỹ thuật).

Với nền văn minh ấy, nhà máy, xí nghiệp không tổ chức đại qui mô như trước đây mà tổ chức theo qui mô vừa và nhỏ trong đó máy móc điện tử, máy vi tính giữ vai trò quyết định. Những xí nghiệp được rô-bốt hoá (toàn người máy) là những xí nghiệp sản xuất ra hàng hóa dồi dào chủ yếu do máy móc, chớ không có người lao động (công nhân). Như vậy, vấn đề mới đã phát sinh, xí nghiệp vẫn sản xuất nhưng lại không có công nhân – một hiện tượng chưa từng có trong lịch sử.

Tin học hoá, rô-bốt hoá dần dần sẽ trở thành phổ biến trong hoạt động sản xuất kinh doanh, công tác, phục vụ (dịch vụ) của xã hội loài người với nền “văn minh trí tuệ” ngày nay. Theo tin tức được biết: Nhật Bản chiếm 70% người máy (rô-bốt) trên thế giới, là nước đi đầu trong lĩnh vực rô-bốt hoá.

Từ “văn minh trí tuệ”, những thay đổi lớn lao ấy không thể không ảnh hưởng đến các quan hệ xã hội, quan hệ giai cấp, quan hệ giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, giữa chủ và thợ. Chắc chắn quan hệ giữa giai cấp tư sản và giai cấp công nhân, giữa chủ và thợ sẽ dần dần lu mờ đi bởi những hiện tượng mới kể trên. Vì vậy, học thuyết về “thặng dư giá trị”, về “đấu tranh giai cấp” của Các-Mác tất nhiên không thể không rơi vào tình trạng lãng quên.

Nhưng sự tiêu vong của quan hệ giai cấp người bóc lột người, quan hệ chủ, thợ là một quá trình diễn biến lâu dài dưới nhiều dạng cụ thể khác nhau đến khi không còn giai cấp nữa. Sự tiêu vong của quan hệ giai cấp ấy không phải được giải quyết bằng một cuộc

cách mạng vô sản – bạo lực đẫm máu của Đảng cộng sản, mà bằng một cuộc cách mạng khoa học, kỹ thuật – cách mạng của “văn minh trí tuệ” – rất hoà bình, nhân hậu, không hề đổ máu. Hoà bình và khoa học kỹ thuật – “văn minh trí tuệ” – nhất định sẽ đưa cả loài người đi đến một thế giới văn minh tốt đỉnh: phồn vinh, tự do, ấm no hạnh phúc, công bằng xã hội và đầy tình người.

E.- Những Điều Nghịch Lý.

Như mọi người đều biết, khi trên thế giới xuất hiện hai hệ thống kinh tế, chính trị, xã hội: tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa song song tồn tại và đối đầu nhau quyết liệt thì đồng thời cũng bộc lộ khá rõ nét những hiện tượng nghịch lý:

- Chủ nghĩa tư bản xuất phát từ của riêng, lợi ích cá nhân, lợi nhuận – từng bị lên án là “thối nát”, phản động và “phải bị tiêu diệt” – nhưng trong tác động thực tiễn của nó lại dẫn đến những hậu quả kinh tế, xã hội kỳ diệu, không lường trước được: năng suất lao động cao, hàng hóa dồi dào có thể thỏa mãn mọi nhu cầu của xã hội, làm cho đất nước phồn vinh, giàu có, hùng mạnh, nhân dân ấm no hạnh phúc, xã hội phát triển đạt đến đỉnh cao của nền văn minh hiện đại ngày nay.

- Ngược lại chủ nghĩa xã hội được coi là “ưu việt”, xuất phát từ của chung (sở hữu công cộng), luôn luôn vì lợi ích của xã hội (tức không có của riêng, không có lợi nhuận, không có giai cấp người bóc lột người) nhưng trong tác động thực tiễn lại dẫn đến những hậu quả hoàn toàn khác hẳn: kinh tế bị phá hoại nghiêm trọng bởi chính sách cải tạo xã hội chủ nghĩa, năng suất lao động thấp kém, hàng hoá đơn điệu, thiếu thốn không đáp ứng nổi các yêu cầu cấp bách của xã hội (tem phiếu, xếp hàng, quầy hàng trống rỗng...), đất nước lâm vào cảnh nghèo nàn lạc hậu triền miên, nhân dân sống cơ cực, làm than, đói rách và không hề có dân chủ tự do.

- Rõ ràng, các mục tiêu của chủ nghĩa xã hội, dân chủ tự do, ấm no, hạnh phúc, văn minh, hiện đại lại không được tạo ra bởi chính phương thức sản xuất của nó mà ngược lại được tạo ra bằng phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Do đó, các nước xã hội chủ nghĩa như Việt Nam, Trung Quốc ngày nay phải thực hiện cải cách, đổi mới, tức là thông qua phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa – tức kinh tế thị trường – để đem lại phồn vinh, giàu có, ấm no hạnh phúc cho nhân dân.

G.- Hiểu đúng kinh tế hàng hoá.

Rất đúng khi nói rằng kinh tế hàng hoá ra đời trước chủ nghĩa tư bản tức kinh tế hàng hoá có trước, kinh tế tư bản có sau. Tuy nhiên nó không mâu thuẫn khi nói rằng kinh tế hàng hoá – kinh tế thị trường – là kinh tế tư bản chủ nghĩa. Bởi vì kinh tế tư bản phát sinh trên cơ sở của kinh tế hàng hoá. Và lại, kinh tế hàng hoá trong chủ nghĩa tư bản mang những nét đặc thù (riêng biệt) của nó: phát triển vượt bậc về qui mô, số lượng và chất lượng so với kinh tế hàng hoá trong điều kiện của chế độ nô lệ và chế độ phong kiến (kinh tế hàng hoá tư bản chủ nghĩa có thể giúp con người đi nửa vòng quả đất với thời gian khoảng 24 giờ (1 ngày 1 đêm); có thể ngồi tại nhà và xem ca nhạc, thể thao diễn ra ở bất cứ nơi nào trên thế giới,...- điều mà kinh tế hàng hoá của chế độ nô lệ và phong kiến không thể làm được.

Cho nên nói kinh tế hàng hoá là kinh tế tư bản trong ý nghĩa đó. Vậy hiện nay, Việt Nam, Trung Quốc thực hiện thứ kinh tế hàng hoá nào? Kinh tế hàng hoá của chế độ nô lệ, phong kiến hay tư bản? Không lẽ vì sĩ diện, muốn tránh né để không dính líu đến chủ nghĩa tư bản mà hai nước này lại áp dụng kinh tế hàng hoá của thời nô lệ, phong kiến sao? Thị trường chứng khoán thuộc kinh tế hàng hoá nào?

H.- Sự lựa chọn dứt khoát.

Xã hội tư bản – xã hội thừa nhận của riêng, lợi nhuận, có giai cấp, cạnh tranh gay gắt – là một xã hội năng động đáp ứng tất cả những gì mà nhân dân mong muốn, yêu cầu. Trong chủ nghĩa tư bản với năng suất lao động cao, hàng hoá dồi dào, đời sống cao, dân chủ tự do cao, nhân dân trở thành người chủ đích thực của xã hội. Tất cả điều đó đã cắt nghĩa việc hai triệu người Việt Nam sau năm 1975 đã di tản sang 70 nước tư bản chủ nghĩa trên thế giới, đặc biệt tập trung ở các nước phương tây (Mỹ, Canada, Pháp, Anh, Đức, Ý, Nhật, Hà Lan, Thụy Sĩ,...). Đó là sự lựa chọn dứt khoát và khá chính xác của những người dân bình thường mà có khi người cách mạng chân chính khó hiểu nổi, nghĩ không ra.

Hơn nữa những điều kể trên cũng cắt nghĩa được rằng các đoàn đại biểu của chính phủ CHXHCN Việt Nam vừa qua đã sang thăm hữu nghị các nước Đông Nam Á (ASEAN) bao gồm Thái lan, Malaixia, Indonexia, Philipin, Bơ-ru-nây, Singapo,...; thăm Nhật Bản, Nam Triều Tiên,... và các nước phương tây (Mỹ, Anh, Pháp, Hà Lan, Đức, Thụy Sĩ,...) đã bị thu hút bởi những thành tựu kỳ diệu trong công cuộc xây dựng kinh tế, văn hoá, xã hội, môi sinh,... của các nước tư bản chủ nghĩa kể trên và ao ước sao Việt Nam cũng làm được như vậy.

Từ thực tiễn đó, ta thấy rằng không phải là vấn đề tiêu diệt chủ nghĩa tư bản như Đảng cộng sản từng khẳng định mà chính là vấn đề học tập và làm theo mô hình tư bản chủ nghĩa như thế nào cho tốt; cho nên cần khiêm tốn một chút vì thực tiễn luôn luôn là chân lý sáng ngời.

I.- Tư bản hoá – Toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới.

Chủ nghĩa Mác-Lênin thường lên án chủ nghĩa tư bản là ích kỷ, tham lam, phản động, nhưng chính sự tồn tại và phát triển của nó trong mấy thế kỷ qua cho thấy khá đầy đủ toàn bộ tính chất xã hội của nó trong sản xuất, lưu thông, phục vụ (văn hoá, giáo dục, ý tế, môi sinh... ở từng nước). Như người ta thường nói đến hàng ngàn, hàng vạn công ty siêu quốc gia – công ty đa quốc gia tức nói đến những thứ hàng hoá nào đó của các công ty nói trên không những được sản xuất ngay trong nước mà còn được sản xuất ở nhiều nước khác và đồng thời được lưu thông tiêu thụ ở hàng trăm nước trên thế giới. Chính tính chất xã hội ấy đòi hỏi phải thúc đẩy công cuộc khu vực hoá, toàn cầu hóa nền kinh tế thế giới và nhiều lĩnh vực khác nữa.

Hàng ngàn, hàng vạn công ty các nước đổ xô vào làm ăn ở một nước nào đó và ngược lại, hàng trăm, hàng ngàn công ty của một nước đến làm ăn ở hàng trăm nước khác trên thế giới đã nói lên tính chất phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước, kể cả nước Mỹ bởi hiện tượng toàn cầu hóa nói trên.

Trong điều kiện đó, khu vực hoá kinh tế như Cộng đồng kinh tế Âu Châu (EEC gồm 12 nước) và khu kinh tế tự do Bắc Mỹ (NAFTA gồm Hoa Kỳ, Canada, Mê-hi-co) là những bước tiến cao hơn trong xu thế toàn cầu hoá nền kinh tế thế giới. Khu vực hoá nền kinh tế các nước là sự thai nghén đầy khó khăn gian khổ, phức tạp, nhưng chính nó đã nói lên khát vọng muốn tiến mãi không ngừng của con người.

Từ tháng giêng năm 1993, kế hoạch giai đoạn đầu của Cộng đồng kinh tế Âu Châu là thực hiện ba không:

- Việc đi lại của công dân ở 12 nước thuộc cộng đồng không cần hộ chiếu.
- Đi lại mua bán xuất nhập khẩu hàng hóa giữa 12 nước không qua hải quan.
- Tiền của một nước không bị cấm tiêu xài ở 11 nước khác của cộng đồng.

Nếu đến cuối năm 1993, Quốc Hội các nước trong cộng đồng đều thông qua hiệp ước Maastricht thì đầu năm 1994 sẽ bắt đầu thực hiện Liên Minh kinh tế và tiền tệ của giai đoạn hai.

Thật là kỳ lạ, chủ nghĩa tư bản không hề chủ trương “thế giới đại đồng” nhưng lại thực hiện “thế giới đại đồng”. Còn CNCS thì chủ trương, hô hào tiến tới một “thế giới đại đồng” nhưng lại thực hành một quốc gia khép kín, tự cung, tự cấp (ích kỷ), bẽ môn tởa cảng (Bắc Tiên, Cuba, Việt Nam, Trung Quốc trước đây cũng vậy tuy hiện nay có khác rồi).

Tất nhiên sau cộng đồng kinh tế Âu Châu và khu vực kinh tế do Bắc Mỹ như đã nói trên sẽ lần lượt hình thành các khu vực kinh tế tự do của Châu Á, Châu Phi, Châu Mỹ la tinh,...

Chủ nghĩa tư bản năng động, luôn luôn tìm mọi cách để tự hoàn thiện mình, do đó nó chưa phải hoàn hảo và còn những khuyết tật nhất định. Tuy nhiên chủ nghĩa tư bản đã vượt qua những cơn bão tố dữ dội suốt quá trình tồn tại và phát triển của nó trên 3 thế kỷ qua; điều đó cho phép nó có thể tiếp tục tiến lên một cách thuận lợi theo xu thế của thời đại ngày nay sau khi chấm dứt chiến tranh lạnh (giữa phe tư bản, đế quốc chủ nghĩa và phe xã hội chủ nghĩa trên phạm vi thế giới) – hoà bình, đối thoại, hợp tác – từ trên cơ sở đã tốt đến chỗ ngày càng tốt hơn nhiều. Với xu thế mới của thời đại (hoà bình, hợp tác) nêu trên, chủ nghĩa tư bản lại có thị trường rộng lớn để tiêu thụ hàng hoá và mua nguyên vật liệu và đưa vốn ra đầu tư đã đẩy chủ nghĩa tư bản lâm vào các cuộc khủng hoảng trầm trọng đây tác hại và nguy hiểm suốt thế kỷ qua.

Ngoài ra, ngày nay chủ nghĩa tư bản lại có thêm những công cụ đặc lực như: Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), ngân hàng thế giới (WB), ngân hàng phát triển châu Á, Tổ chức “Hiệp định về thuế quan và mậu dịch” (GATT) – những tổ chức trụ cột – nhằm bảo vệ sự phát triển của chủ nghĩa

tư bản, giúp nó vượt qua những cơn suy thoái hoặc khủng hoảng kinh tế nếu có.

Khác với sự suy nghĩ, tưởng tượng trong đầu óc của con người, cuộc sống thực tiễn bao giờ cũng mang ý nghĩa tương đối thối. Cái gì được tuyệt đối hoá, thần tượng hoá hay bị sụp đổ. Đó là bài học quý giá giúp con người phải biết thức tỉnh nếu không muốn bị lịch sử gạt qua bên lề. Vấn đề ở đây không phải là đã có bao nhiêu năm thâm niên cách mạng, kinh qua bao nhiêu chức vụ, mấy mùa kháng chiến hoặc mấy khóa tù mà vấn đề chính là có đuổi kịp và nhận thức được sự chuyển động của quả đất, của cuộc sống ngày nay không? và từ đó rút ra được kết luận gì làm kim chỉ nam cho hành động cách mạng liên tục vì dân, vì nước của mình?

PHẦN BA

A.- Dân Chủ Tự Do Là Thước Đo Chính Xác Về Lòng Trung Thành Của Đảng Cộng Sản Việt Nam Đối Với Dân Tộc Mình.

Xã hội văn minh là xã hội dân chủ tự do. Ngược lại chính dân chủ tự do càng thúc đẩy nền văn minh phát triển. Vì vậy dân chủ tự do trở thành xu thế tất yếu của thời đại và là yêu cầu không thể thiếu được của xã hội loài người. Do đó, đối với dân tộc Việt Nam hiện nay, dân chủ tự do càng cấp bách hơn bất cứ lúc nào hết. Dân chủ tự do là một trong những yếu tố căn bản nhất tạo nên định hướng chiến lược của Việt Nam. Vậy vấn đề dân chủ tự do từ trước tới nay ở Việt Nam ra sao?

Từ khi ra đời năm 1930 đến năm 1945 (cách mạng tháng 8), Đảng cộng sản Việt Nam hoạt động chủ yếu trong điều kiện bí mật, bất hợp pháp mặc dù trong hoàn cảnh thời gian nào đó, có một bộ phận của Đảng hoạt động công khai, bán công khai. Nhưng có điều xuyên suốt trong quá trình dài đó, Đảng cộng sản Việt Nam – người biết rõ khát vọng lớn lao về độc lập và dân chủ tự do của dân tộc Việt Nam trên một thế kỷ làm nô lệ cho chủ nghĩa đế quốc (Pháp, Nhật, Mỹ) – đã luôn luôn phát động phong trào đấu

tranh rộng rãi của các tầng lớp nhân dân từ thành thị đến nông thôn đòi dân chủ tự do gắn liền với cuộc đấu tranh đòi và bảo vệ lợi ích của quần chúng; cụ thể là đấu tranh đòi tự do ngôn luận, tự do báo chí, xuất bản, tự do hội họp, tự do lập hội, lập nghiệp đoàn, tự do đi lại, xuất dương (ra nước ngoài), tự do kết hôn, nam nữ bình đẳng, tự do biểu tình, tự do đình công... coi dân chủ tự do là vũ khí sắc bén để bảo vệ lợi ích quần chúng; đồng thời là động lực phát triển phong trào đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng chống áp bức bóc lột, bất công. Ngay trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và chống Mỹ (1955-1975), ở các vùng tạm chiếm (địch hậu) như Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng v.v.,

Đảng cộng sản Việt Nam luôn luôn phát động quần chúng đấu tranh chống kèm kẹp, áp bức, đòi dân chủ, dân sinh kết hợp với đấu tranh vũ trang cho đến khi kháng chiến thắng lợi. Tại Sài Gòn – trung tâm đầu não của các cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam trước đây – bất chấp khủng bố, đàn áp dã man, quần chúng nhân dân thành phố liên tục vùng lên đấu tranh chống các chính quyền độc tài, phát xít, tay sai của đế quốc, đòi dân chủ tự do bằng hội thảo, báo chí bán công khai, bằng mít tinh biểu tình, đình công thậm chí bằng tự thiêu (của tín đồ Phật giáo). Do đó, đối với nhân dân Việt Nam nói chung đặc biệt với nhân dân Miền Nam (bao gồm thanh niên, phụ nữ, sinh viên, học sinh, trí thức, văn nghệ sĩ, công nhân lao động, nông dân, tín đồ Phật giáo, Công giáo và các tầng lớp khác) nói riêng, vấn đề tự do dân chủ không phải là điều gì xa lạ đối với họ; mà ngược lại chính dân chủ tự do đã thấm vào xương, vào máu của nhân dân Việt Nam, đã trở thành giá trị thực sự được tạo ra bằng sự hy sinh lớn lao, dai dẳng thông qua thực tiễn đấu tranh ngoan cường, mặt giáp mặt với quân thù của dân tộc Việt Nam suốt 45 năm chiến đấu cách mạng. Đó là cái giá rất đắt phải trả cho một giá trị – giá trị dân chủ tự do. Điều đó có nghĩa là giá trị ấy tuyệt đối không thể biến thành đặc ân của bất cứ ai.

Thế nhưng, từ sau thắng lợi lẫy lừng Điện Biên Phủ (1954) và chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử (30/4/1975), đất nước Việt Nam đi vào con đường xã hội chủ nghĩa dưới sự độc quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam thì bốn chữ: Dân chủ-Tự do và cuộc đấu tranh cho dân chủ tự do dần dần bị lu mờ và tắt lịm; vì lúc bấy giờ, mọi người đều được giáo dục rằng: trong chủ nghĩa xã hội, mọi vấn đề đều có sự lãnh đạo của Đảng, mọi thứ đều tốt cả, nên không cần có đấu tranh của quần chúng. Đấu tranh của quần chúng chỉ tồn tại trong xã hội cũ – xã hội thuộc địa. Trong chủ nghĩa xã hội, Đảng và nhân dân là một; giữa Đảng và nhân dân không thể có ý kiến, quan điểm khác nhau, không có đối lập, đối kháng, nên không thể có đấu tranh, đình công, biểu tình. Do đó, trong chủ nghĩa xã hội không có vấn đề đấu tranh cho dân chủ tự do vì chế độ xã hội chủ nghĩa (chuyên chính vô sản) là chế độ “dân chủ một triệu lần hơn chủ nghĩa tư bản” (?)

B.- Chủ Nghĩa Xã Hội Không Thể Công Nhận Có Đấu Tranh Của Quần Chúng.

Song, thực tiễn thì rất phức tạp, luôn luôn vận động theo qui luật và không hề diễn biến theo xét đoán chủ quan của con người. Và lại, trong chủ nghĩa xã hội, thực tế thì có biết bao nhiêu vấn đề không tốt, không kém gì những vấn đề không tốt trong xã hội thực dân, đế quốc trước đây. thậm chí có những mặt còn nghiêm trọng, tồi tệ hơn nhiều; cụ thể là trong chủ nghĩa xã hội vẫn có những kẻ dựa vào địa vị, quyền lực mà áp bức, bóc lột quần chúng, cướp đất, cướp nhà, trấn áp, uy hiếp, trù dập quần chúng, bắt bớ giam cầm họ một cách phi pháp; xã hội đầy dẫy bất công tham nhũng, ăn hối lộ “trần đồng”; thất nghiệp, ăn mày, làm đi nham nhãn; giết người cướp của lộng hành; đồng lương chét đói kéo dài 15-20 năm không được cải thiện trong khi giá cả cứ tăng vùn vụt 10 lần, 20 lần... (năm 1975: 1 tô phở chỉ có 5 đồng nhưng đến năm 91-92 là 2000 đồng trở lên và mọi thứ hàng hóa khác đều tăng giá giống như vậy).

Do chính sách độc tài, do bị kiểm kẹp nặng nề và sợ bị “chụp mũ”, bị trấn áp nên quần chúng nhân dân ngán ngại đấu tranh đòi và bảo vệ quyền lợi bức bách của mình như vấn đề tiền lương, giá cả, thuế khoá, nhà ở, ruộng đất, sa thải, thất nghiệp, tham nhũng, hối lộ, bắt bớ giam cầm trái phép, v.v... và đành phải im hơi lặng tiếng, cam chịu lầm than cơ cực, sống cuộc đời nô lệ như xưa kia mặc dù vẫn mang danh là công dân của nước Việt Nam “xã hội chủ nghĩa”.

Rõ ràng ở Việt Nam – đất nước của một dân tộc anh hùng – chỉ có độc lập (không còn bị nước ngoài thống trị), chứ không hề có dân chủ tự do, đặc biệt về chính trị, tư tưởng, mặc dù nhân dân Việt Nam đã chịu hy sinh hàng triệu người cho cuộc đấu tranh lâu dài vì độc lập dân tộc, vì dân chủ tự do và vì ấm no hạnh phúc (tuy về kinh tế với chính sách đổi mới gần đây, người nông dân được tự do canh tác trên mảnh đất của mình và người sản xuất kinh doanh được tự do hoạt động theo ngành nghề của họ).

C.- Hậu Quả Gì Khi Các Quyền Dân Chủ Tự Do Của Nhân Dân Bị Tước Đoạt.

Ai cũng biết rằng độc lập dân tộc, dân chủ tự do, ấm no hạnh phúc là những nội dung, yêu cầu rất quan trọng mang tính chất chiến lược tuy nó có khác nhau nhưng lại quyện chặt vào nhau trong sự nghiệp cách mạng vĩ đại của nhân dân Việt nam – cuộc kháng chiến cứu nước trường kỳ và toàn thắng. Chính vì lẽ đó mà Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra lời giáo huấn sâu sắc là:” Không có gì quý hơn độc lập tự do”, có độc lập mà không có tự do ấm no hạnh phúc thì độc lập cũng vô nghĩa. Nhưng điều khó hiểu là những người kế tục sự nghiệp cao cả của cụ Hồ, một mặt luôn luôn đề cao tư tưởng Hồ Chí Minh, mặt khác thì lại vô hiệu hóa lời dạy ấy của Cụ, đã tách dân chủ tự do khỏi nội dung độc lập dân tộc. Cho nên ở Việt Nam, như đã nói trên chỉ có độc lập dân tộc chứ không có dân chủ tự do là như thế đó.

Chính Đảng cộng sản Việt Nam đã tước đoạt của nhân dân các quyền tự do mà nhân dân đã từng trả giá quá đắt – thứ vũ khí mà nhân dân phải có để bảo vệ lợi ích của mình khi nó bị vi phạm bất cứ trong hoàn cảnh nào. Dân chủ tự do bị chà đạp, vũ khí tự vệ bị tước đoạt thì nhân dân giống như những người bị xiềng xích, bị bịt tai, bịt mắt, khớp miệng và tất nhiên gần 70 triệu người Việt Nam không thể không biến thành tù binh của Đảng cộng sản Việt Nam.

Trên khắp thế giới sau thắng lợi của cách mạng và khi đã cầm quyền rồi, các Đảng cộng sản (Liên xô, Trung Quốc, Việt Nam, Bắc Triều Tiên, Đông Á cũ, Cuba,...) đều trở thành các đảng độc tài, chuyên chế, phản dân chủ. Cho nên, các Đảng nói trên rất sợ dân chủ tự do, sợ nói đến dân chủ, sợ đối thoại với quần chúng và luôn luôn sẵn sàng đàn áp những quan điểm tư tưởng trái với mình, đàn áp những yêu sách về dân chủ của quần chúng mặc dù hằng ngày trên miệng của người lãnh đạo đảng luôn nói về “quyền làm chủ của nhân dân”, trong khi trên thực tế, các quyền dân chủ tự do của công dân như hiến pháp qui định đã bị chà đạp trắng trợn thì lấy gì để nhân dân thực hiện quyền làm chủ của mình đối với đất nước xã hội (làm chủ khác hẳn với làm theo lệnh của cấp trên).

Khi nói đến nhân dân quần chúng là phải nói đến vấn đề dân chủ. Chỉ có thông qua việc thực hiện nghiêm chỉnh các quyền dân chủ tự do của nhân dân thì người lãnh đạo mới thiết lập được mối liên hệ chân chính giữa mình với nhân dân quần chúng. Nhân dân bị kiểm kẹp, không được quyền tự do bộc lộ ý kiến tư tưởng, quan điểm, tâm tư nguyện vọng của mình mặc dù có thể nó không phù hợp với quan điểm của lãnh đạo thì làm sao giải thích được rằng đất nước này đã có dân chủ tự do ?

D.- Ai Khác Ý Kiến Quan Điểm Thì Bị Qui Chụp Trấn Áp.

Phải chăng Việt Nam đã có “dân chủ tự do” khi mà một uỷ viên Bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam (khoá 6) Trần Xuân Bách chỉ vì phát biểu ý kiến về vấn đề đa nguyên chính trị (dân chủ-công khai-đa đảng) thì lập tức bị lên án, bị cách chức ngay ? hay như ông Bùi Tín – Phó tổng biên tập báo Nhân Dân (cơ quan trung ương của ĐCSVN) phải tìm cách ra nước ngoài để được tự do phát biểu ý kiến của mình về chuyên chính độc tài của Đảng cộng sản Việt Nam với nhân dân cả nước và thế giới ?

Phải chăng đó là dân chủ tự do khi nữ văn sĩ Dương Thu Hương phát biểu ý kiến phản đối chuyên chính vô sản, độc quyền lãnh đạo của ĐCSVN, đòi thi hành dân chủ tự do thì bị qui là “phản động” và bị khai trừ khỏi Đảng, bị bắt, bị giam (sau một thời gian thì được trả tự do nhờ có sự can thiệp của tổ chức nhân quyền quốc tế) ? hoặc như Ông Nguyễn Thành Thơ (Mười Thơ) – nguyên chủ tịch hội nông dân tập thể Việt Nam – bị quản thúc mấy năm liền chỉ vì Ông quyết tâm đấu tranh đòi Đảng và nhà nước trả lại ruộng đất (đã hợp tác hóa) cho người nông dân để họ được tự do canh tác trên mảnh đất của mình và được cõm no áo ấm ? Phải chăng đó là dân chủ tự do khi Đảng cộng sản Việt Nam làm áp lực buộc hai Đảng Dân Chủ và Xã Hội – bạn đường kháng chiến mấy mươi năm của mình phải tuyên bố tự giải tán “vì đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử” trong lúc nhân dân khắp thế giới đang vùng lên đấu tranh phá tan các chuyên chế độc tài và thành lập nền chính trị đa nguyên – dân chủ đa đảng ? hay như trường hợp của Ông Bảy Triển – Phó giám đốc đài truyền hình Cần Thơ – bị cách chức và cho nghỉ hưu chỉ vì ông đã làm tốt chức năng thông tin của mình, tường thuật đầy đủ trong 7 đêm liền diễn biến của phiên toà xét xử Dương Văn Ba (cán bộ kinh tế của tỉnh) tại tỉnh Minh Hải (đầu năm 1990) và phiên toà được lãnh đạo đánh giá là “xét xử đúng đắn” ? (vì lãnh đạo chỉ cho phép đưa tin về kết quả xét xử, tuyên án chứ không cho phép tường thuật toàn bộ diễn biến của phiên toà. Và lại, đông đảo nhân dân và cán bộ nghỉ hưu Đồng bằng Cửu Long phản đối phiên toà và đã có đơn tập thể khiếu nại, đòi xét xử lại).

Phải chăng đó là dân chủ tự do khi những người kháng chiến thời kỳ ở Sài Gòn không được quyền lập Hội những người kháng chiến mà chỉ được phép lập Câu lạc bộ thôi, không được quyền hội thảo chống tiêu cực, không được quyền làm mít tinh kỷ niệm ngày truyền thống (Nam Bộ kháng chiến), báo “Truyền thống kháng chiến” bị tịch thu và bị đình bản, Câu lạc bộ những người kháng chiến thành phố Hồ Chí Minh bị cấm hoạt động và cuối cùng nhiều cán bộ của Câu lạc bộ những người kháng chiến TP kể cả chủ nhiệm bị bắt, bị giam, bị quản thúc (từ đầu năm 1990) thậm chí nhiều người có quan hệ tốt với CLB những người kháng chiến thành phố (đọc báo “truyền thống kháng chiến”, dự hội thảo...) ở các tỉnh Sông Bé, Tiền Giang, Cửu Long, Hậu Giang... cũng bị khủng bố, đàn áp ?

E.- Đảng Cộng Sản Việt Nam Phát Động Đấu Tranh “Chống Đa Nguyên, Đa Đảng”.

Không phải vì dân tộc, đất nước mà chính vì sợ mất vai trò lãnh đạo và đặc quyền, đặc lợi của cá nhân hoặc một nhóm người lãnh đạo mà Đảng cộng sản Việt Nam đã chà đạp thô bạo hiến pháp của nước CHXHCN Việt nam, biến nó thành một thứ trang trí, không có giá trị thực tiễn trong việc bảo vệ dân chủ tự do và lợi ích của công dân; ra sức chống lại quyết liệt những đòi hỏi về các quyền dân chủ tự do của nhân dân dưới chiêu bài “chống đa nguyên, đa đảng” để hù dọa trước hết trong nội bộ Đảng và sau đó trong đông đảo quần chúng rằng “đa nguyên, đa đảng là một quan điểm rất nguy hiểm, chống Đảng, chống cách mạng, chống chủ nghĩa xã hội của bọn phản động “nhằm siết chặt đội ngũ cán bộ, đảng viên tạo thêm sức mạnh để chống “đa nguyên, đa đảng” và làm cho quần chúng ngán ngại quan điểm nói trên.

Việc làm đó nhắm vào 2 mục tiêu : một mặt, nó cô lập cao độ và làm suy yếu lực lượng đấu tranh cho dân chủ tự do của cả nước; mặt khác nó che đậy khéo léo bản chất độc tài phản dân chủ của Đảng cộng sản.

Tất nhiên, sự hù dọa ấy có tác dụng lôi kéo những người nhẹ dạ, khiếp đảm, kém hiểu biết, ngã về phía độc tài chuyên chế, phản dân chủ, nhưng nó không thể lung lạc được những người trung thực, hiểu biết, có đầu óc dân chủ.

Để bảo vệ chế độ độc tài, chuyên chế, phản dân chủ ấy trong nền kinh tế thị trường phồn vinh (kinh tế tư bản mà Đảng cộng sản Việt Nam buộc phải chấp nhận để cứu lấy mình), người ta đưa ra lập luận để thực hành rằng Việt Nam có đặc điểm riêng là một nước nghèo nàn, lạc hậu, trình độ dân trí kém nên không thể thiết lập một chế độ dân chủ tự do rập khuôn như ở các nước phương Tây. Do đó Đảng cộng sản Việt Nam thông qua Ông Võ Văn Kiệt – đang là chủ tịch Hội đồng bộ trưởng – chánh thức mời Ông Lý Quang Diệu (cựu thủ tướng Xinh-ga-po) sang làm cố vấn cho Việt Nam (gần cuối năm 1992) không những về kinh tế mà cả về chính trị. Điều đó có nghĩa là Việt Nam sẽ làm theo mô hình Xinh-ga-po: thiết lập nền kinh tế thị trường phồn vinh nền chính trị chuyên chế độc tài, phản dân chủ.

Thật là đáng tui nhục cho dân tộc Việt Nam với gần 70 triệu người và với một lịch sử chiến đấu oai hùng mà thế giới đều biết và khâm phục, ngày nay lại được so sánh và xếp hạng về chính trị ngang hàng với Xinh-ga-po (với non 3 triệu dân và với một lịch sử bình thường). Từ đó cho thấy rằng xuyên qua tầm nhìn của Đảng cộng sản Việt Nam, dân tộc Việt Nam lại chưa có trình độ và chưa xứng đáng được quyền hưởng một chế độ dân chủ tự do đúng nghĩa đầy đủ của nó, mặc dù họ đã hy sinh quá lớn lao, máu chảy, đầu rơi, núi xương, sông máu cũng chính là vì dân chủ, tự do.

Quyết định một vấn đề rất quan trọng liên hệ đến vận mạng của dân tộc, đất nước như nói trên mà không cần trưng cầu ý dân lại chủ yếu vẫn làm theo phương thức độc đoán, độc tài; rõ ràng Đảng cộng sản Việt Nam ngày nay khinh rẽ dân tộc Việt Nam cỡ nào ? Nhưng cả nước lại im lặng, có phải là đồng tình không ? Hay vì bị kiểm kẹp quá nặng nề mà không thể cất tiếng lên được ? Cho nên, trước tình hình phức tạp này, có nhiều người đặt ra câu hỏi: Dân chủ đa nguyên là gì?

G.- Đa Nguyên: Biểu Tượng Muôn Màu Muôn Vẻ Của Mọi Sự Vật.

Chúng ta biết rằng tạo hóa, thiên nhiên vạn vật, xã hội loài người, tất cả điều là biểu tượng của đa nguyên – tổng hợp những cái khác nhau của mọi sự vật và thúc đẩy sự tác động, ảnh hưởng lẫn nhau của chúng.

Khi nói đến vũ trụ, người ta nghĩ trong đó không những có mặt trời, mặt trăng, trái đất, sao hỏa, sao kim mà còn có hàng triệu, hàng tỷ thiên hà và mỗi thiên hà có hàng triệu hàng tỷ vì sao (hành tinh) mà mắt thường của chúng ta không thể nhìn thấy rõ.

Còn nói đến sự vận động của trái đất, nó không những tạo ra ban ngày ban đêm, mặt trời mọc, mặt trời lặn, đêm sáng trăng, đêm tối như mực, bốn mùa: xuân, hạ, thu, đông; mưa nắng mà cả bão lụt đông tố, hạn hán, động đất, hoạt động của núi lửa, dòng chảy dữ dội và tàn phá của dung nham; những cơn lốc rất tai hại; những đợt nước biển dâng cao kéo theo nhiều thảm họa, đất sụp, núi sụp...

Rừng không những ở núi cao mà còn có rừng ở thung lũng, đồng bằng và dưới nước (rừng sát). Điều chắc chắn là sự cấu tạo của rừng sát hoàn toàn khác với rừng trên núi cao. Rừng không những có nhiều loại cây rất phong phú mà còn có nhiều loại thú, loài chim khác nhau thậm chí có những loại hoa hương sắc kỳ diệu và các loại cây thuốc trị bệnh quý giá. Có vườn hoa nào mà chỉ có một loại hoa, ít nhất phải có hàng chục, thậm

chí hàng trăm loại với hàng trăm màu sắc lộng lẫy và hương thơm đậm đà quyến rũ. Trong văn học nghệ thuật, tự do cá nhân của con người được nẩy nở bao nhiêu thì văn học nghệ thuật được nẩy nở bấy nhiêu. Chính sự nẩy nở tự do ấy tạo nên sự khác nhau – muôn màu, muôn vẻ – trong văn học nghệ thuật mà người ta thường gọi đó là sự sáng tạo đầy cá tính. Có vậy, văn học nghệ thuật mới có ý nghĩa lớn lao và không ngừng phát triển. Nếu ca hát giống nhau, âm nhạc giống nhau, viết văn giống nhau thì văn học nghệ thuật còn có ý nghĩa gì ?

Nói “trăm hoa đua nở, trăm nhà đua tiếng” là thừa nhận tính chất đa nguyên của mọi sự vật, của mọi lãnh vực. Trong xã hội loài người gồm nhiều màu da, sắc tộc ở nhiều nước khác nhau trên nhiều Châu và đại dương khác nhau (Châu Á, Châu Âu, Châu Phi, Châu Mỹ, Châu Úc; Thái bình dương, Đại tây dương, Ấn độ dương, Bắc băng dương); và trong một nước cũng có nhiều dân tộc, sắc tộc, nhiều tiếng nói, chữ viết, phong tục, tập quán khác nhau: nhiều giai cấp, giai tầng, tôn giáo tín ngưỡng khác nhau và nhiều Đảng phái, tổ chức chính trị khác nhau.

Vậy tại sao ở Việt Nam cũng có nhiều dân tộc, nhiều giai cấp, giai tầng, nhiều tín ngưỡng tôn giáo, nhiều trình độ học vấn và môi trường đào tạo khác nhau, ... lại chỉ được quyền tồn tại một quan điểm, một tư tưởng, một Đảng thôi ? Trong khi đó ở khắp thế giới – 5 châu, 4 biển – đâu đâu cũng thấy có sự tồn tại và phát triển của nền chính trị đa nguyên, dân chủ đa đảng (ở Mỹ, Anh, Pháp, Đức, Ý, Nhật, Canada, Ấn độ, Ang-giê-ri, Nam Triều Tiên, Thái Lan, Nam Phi, các nước Bắc Âu, Châu Mỹ la-tinh, ...), đặc biệt ở Cam-pu-chia – nước láng giềng mà Việt Nam với tinh thần “quốc tế vô sản” đã hy

sinh biết bao xương máu tại đây để giúp bạn “bảo vệ độc lập” và “xây dựng chủ nghĩa xã hội” – vào cuối năm 1991 đã tuyên bố từ bỏ chủ nghĩa Mác- Lênin, chủ nghĩa xã hội, từ bỏ chủ nghĩa độc nguyên – độc quyền lãnh đạo của Đảng – biến Đảng nhân dân cách mạng Cam-puchia (tức đảng cộng sản) thành đảng của nhân dân Cam-pu-chia; chủ trương thi hành chính sách hòa giải, hòa hợp dân tộc, chấm dứt chiến tranh, thực hiện dân chủ – đa nguyên, đa đảng và xây dựng một nền kinh tế thị trường sống động (kinh tế tư bản) ở Cam-pu-chia.

H.- Người Bảo Vệ Độc Tài Trở Thành Người Bảo Vệ Đa Nguyên.

Nhưng một thực tế trở trêu khác lại đồng thời diễn ra trên thế giới ngày nay: những người cộng sản trong Đảng cộng sản Liên Xô (cũ) và các Đảng cộng sản Đông Âu (cũ), nêu trước đây họ tán thành và ra sức bảo vệ chủ nghĩa độc nguyên, độc tài vô sản, độc tài của Đảng cộng sản – chống quyết liệt chủ nghĩa đa nguyên chính trị (dân chủ đa đảng), chống việc hình thành lực lượng đối lập trong chánh quyền Xô Viết, xã hội chủ nghĩa thì ngày nay, sau khi Liên Bang Xô Viết và Đảng cộng sản Liên Xô (cũ), các nước xã hội chủ nghĩa và các đảng cầm quyền ở Đông Âu (cũ) tan rã, những người cộng sản nói trên lại nhiệt liệt hoan nghinh và ra sức bảo vệ chủ nghĩa đa nguyên chính trị vì chính họ phải được tiếp tục tồn tại trên cơ sở môi trường mới này.

Do đó, hiện nay, khoảng 20 triệu Đảng viên của Đảng cộng sản Liên Xô (cũ) đang tích cực tham gia không phải một Đảng mà tham gia vào hàng trăm Đảng phái và tổ chức chính trị khác nhau trong đó đa số có khuynh hướng mác-xít ở các nước cộng hòa thuộc Liên Xô (cũ) kể cả nước Nga, do họ có nhiều quan điểm, tư tưởng bất đồng, không dễ dàng thống nhất được, nhưng tất cả họ đều nỗ lực hoạt động để trở thành lực lượng đối lập với chính quyền hiện hữu để góp phần thúc đẩy tiến trình phát triển toàn diện đất nước và xã hội.

Điều đó xác nhận rằng việc họ bảo vệ chủ nghĩa độc nguyên, độc tài của Đảng cộng sản trước đây, chẳng qua vì họ phải chịu một áp lực quá nặng nề của Đảng cộng sản Liên Xô và các Đảng cộng sản Đông Âu (cũ). Họ là “tù binh”, là nô lệ về tư tưởng trong chế độ Xô Viết, xã hội chủ nghĩa mà họ không hề biết. Nhưng chính thực tiễn cuộc sống ngày nay đã làm thay đổi sâu xa nhận thức của họ về quyền con người, về dân chủ tự do và độc tài chuyên chế, về động lực thúc đẩy xã hội đi đến phồn vinh, ấm no, hạnh phúc, văn minh hiện đại và giúp họ tránh được mù quáng trong niềm tin.

I.- Giữa Thay Đổi Chính Trị và Thay Đổi Kinh Tế Có Sự Khác Biệt Lớn.

Tuy nhiên đối với các nước cộng hoà Liên Xô cũ và các nước Đông Âu cũ hiện nay, điều quan trọng là không nên lẫn lộn giữa sự thay đổi của cục diện chính trị và sự thay đổi của cục diện kinh tế. Hai lĩnh vực này hoàn toàn khác nhau và mỗi lĩnh vực có qui luật vận động riêng của nó, tuy nó có liên quan chặt chẽ và tác động, ảnh hưởng lẫn nhau. Thay đổi cục diện chính trị của một nước có khi chỉ diễn ra trong một vài năm thậm chí năm, ba tháng; còn thay đổi cục diện kinh tế của một đất nước sẽ khó khăn gấp trăm lần.

Từ chủ nghĩa xã hội tập trung, quan liêu, bao cấp chuyển sang nền kinh tế thị trường (kinh tế tư bản chủ nghĩa) – tự quay 180 độ – các nước cộng hoà thuộc Liên Xô cũ và các nước thuộc Đông Âu cũ nếu không đòi hỏi 70-80 năm thì ít nhất cũng phải mất 20-30 năm để đạt sự phồn vinh, giàu có, ấm no hạnh phúc, văn minh hiện đại. Nếu bằng tình cảm và ước vọng, thiếu căn cứ khoa học, người ta định áp đặt thời gian để xây dựng nền kinh tế thị trường đạt tới trình độ phát triển cao của thế giới ngày nay chỉ trong thời hạn 5-7 năm. Đó là điều ảo tưởng nếu không nói là “bóc đồng”.

K.- Chế Độ Phát-Xít: Không Hề Có Đa Nguyên Đa Đảng.

Như trên đã nói, Đảng cộng sản Việt Nam phát động chống đa nguyên, đa đảng là chống lại sự nghiệp dân chủ tự do của dân tộc Việt Nam, chống lại văn minh tiên bộ của đất nước tức muốn kiềm hãm dân tộc Việt Nam trong mê muội tối tăm, mù quáng. Bởi vì không có một nước nào trên thế giới có một chế độ đa nguyên, đa đảng mà lại không có một nền dân chủ rộng lớn. Đa nguyên, đa đảng gắn liền với dân chủ tự do là nền tảng đã sản sinh ra đa nguyên đa đảng. Chỉ có ở những nước chuyên chế độc tài, phát xít tàn bạo thì không bao giờ có sự tồn tại của đa nguyên đa đảng. Bằng chuyên chế độc tài được sơn phết bóng loáng, Đảng cộng sản Việt Nam quyết chống lại các quyền dân chủ tự do của nhân dân quần chúng, nhưng lại không dám nói thẳng điều đó mà phải mượn cái chiêu bài “chống đa nguyên, đa đảng”; vì nếu tuyên bố thẳng thừng rằng: Đảng cộng sản Việt Nam không chấp nhận mà bác bỏ dân chủ tự do, hoá ra Đảng đã tự phơi trần bản chất độc tài, phản dân chủ của mình trước nhân dân cả nước và thế giới sao ?

Chiêu bài “chống đa nguyên, đa đảng” có thể lường gạt được những kẻ nhẹ dạ, yếu bóng vía, kém hiểu biết, mù quáng; ngoài ra nó không thể lừa gạt được ai. Để chống lại dân chủ tự do của nhân dân có hiệu lực, ngoài việc kêu gọi “chống đa nguyên, đa đảng”, Đảng cộng sản Việt Nam còn phát động trong nội bộ Đảng và ngoài quần chúng đấu tranh “chống tư tưởng tự do tư sản hoá”, “chống diễn biến hoà bình”.

L.- Tư Tưởng “Tự Do Tư Sản Hoá” Là Gì ? – Tư Tưởng Muốn Có Tự Do 100%.

Tư tưởng “tự do tư sản hoá” là tư tưởng của nhiều người Việt Nam muốn ở nước mình có một nền dân chủ thực sự như ở các nước tư bản tiên tiến phương Tây để thay thế nền dân chủ giả hiệu của Việt Nam hiện nay – dân chủ trên lời nói, dân chủ hình thức. Hiến pháp của nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam luôn luôn có ghi đủ các quyền tự do của công dân như: quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do hội họp, tự do lập hội, tự do mít tinh, tự do biểu tình,... nhưng trên thực tế thì không hề có những thứ tự do đó. Bởi vì bộ máy kèm kẹp, kiểm soát chặt chẽ của Đảng cộng sản và chính quyền, kể cả các cơ quan thông tin tuyên truyền (quốc doanh) đều làm cho đông đảo quần chúng ngán ngại, không dám hành động để đạt được các quyền tự do dân chủ nói trên của mình.

Vì vậy, đối với các quyền dân chủ tự do của công dân, hiến pháp chỉ là một mảnh giấy lộn, không có giá trị thực tiễn gì cả. Nhưng điều đáng kinh ngạc là trước tình hình vi phạm nghiêm trọng các quyền dân chủ tự do của công dân trong nhiều năm qua và cho đến bây giờ, không hề có sự lên tiếng đấu tranh phản đối của Quốc hội – được coi là “cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất” hoặc Quốc hội chất vấn chính phủ về những vi phạm ấy và đề ra những biện pháp cụ thể nhằm thực hiện nghiêm chỉnh các quyền dân chủ tự do của công dân đã ghi trong hiến pháp.

Vì sự độc quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản nên Quốc hội chỉ biết làm theo chỉ thị của Đảng. Và lại, hầu hết đại biểu quốc hội là cán bộ đảng viên của đảng, do đó trước khi khai mạc quốc hội, những đảng viên, cán bộ ấy được một đại diện của bộ chính trị đến để huấn thị là Quốc

hội cần phải làm như thế này, như thế này... Số người ngoài Đảng trong Quốc hội không đáng kể, hơn nữa, nếu có thì chính họ cũng đã được đảng hóa (mác-xít hóa) mất rồi.

Cho nên có thể nói: Quốc hội là Đảng, Đảng là Quốc hội – Nhà nước là Đảng, Đảng là Nhà nước. Với tính chất ấy đại biểu Quốc hội không phải là người nói tiếng nói trung thực của nhân dân (cử tri) mà chính là người chỉ nói tiếng nói của Đảng thôi. Do đó, Đảng cộng sản Việt Nam cũng như các đảng cộng sản ở các nước xã hội chủ nghĩa còn lại (Trung Quốc, Cuba, Bắc Triều Tiên) đều rất sợ “tự do tư sản hoá” – thứ tự do đúng nghĩa của nó 100% tức là các quyền dân chủ tự do của công dân như: tự do ngôn luận, tự do hội họp, tự do lập hội, lập đảng phái, tự do đình công, biểu tình,... đã ghi trong Hiệp Pháp đều được thể hiện đầy đủ trong thực tiễn sinh động của xã hội.

Vì vậy khi quần chúng nhân dân có các quyền dân chủ tự do – thứ vũ khí tự vệ và tấn công rất sắc bén – thì bất cứ đảng phái cầm quyền nào không thể dễ dàng thực hiện chuyên chế độc tài, đặc quyền, đặc lợi, áp bức, trù dập quần chúng nhân dân được. Cụ thể là: Khi quyền lợi bị vi phạm và trước những bất công, hàng ngàn, hàng vạn, hàng chục vạn thậm chí hàng triệu người bao gồm các tầng lớp nhân dân: nhân sĩ trí thức, thầy cô giáo, y tá bác sĩ, công nhân lái xe, bốc vác, thợ mỏ, công nhân đường sắt, cơ khí, luyện kim, đóng tàu,... viên chức ngành hàng không, bưu điện viễn thông, sinh viên, học sinh, nông dân trang trại ở các nước: Anh, Pháp, Mỹ, Đức, Ý, Nhật, Ấn Độ, Bra-xin, Nam Triều Tiên, Thái Lan,... đã vùng lên đấu tranh liên tục bằng các hình thức: đình công, tổng đình công, bãi khóa, tổng bãi khóa thậm chí xuống đường biểu tình đòi tăng lương, cải thiện điều kiện lao động và đời sống, đòi tăng ngân sách giáo dục, y tế, đòi bảo đảm tiếp tục tài trợ cho nông nghiệp, bảo vệ nông sản trong nước, đòi Quốc hội cách chức và đưa Tổng Thống ra xét xử (Bra-xin) vì có dính líu đến tham nhũng nghiêm trọng; biểu tình phản đối phiên toà xét xử bất công (vụ 4 cảnh sát da trắng đánh chết một lái xe da đen ở Los Angeles – 1992); biểu tình hoan hô các quan tòa

có sáng kiến phát động mạnh mẽ phong trào chống tham nhũng – “Bàn tay trong sạch” – trong cả nước (Ý); và cả những cuộc biểu tình chống quân phiệt, độc tài, đòi dân chủ tự do bị đàn áp dữ dội (ở Thái Lan tháng 5/1992)..v.v..Tất nhiên, trước sức đấu tranh mạnh mẽ của quần chúng, chính quyền các nước có liên quan phải nhượng bộ và giải quyết thỏa đáng các yêu sách của quần chúng.

Ở các nước dân chủ, người được bầu làm tổng thống, thủ tướng là người được đa số nhân dân tín nhiệm trong việc điều khiển đất nước theo một nhiệm kỳ nhất định. Tuy nhiên người ta không coi những vị ấy là những ông thánh sống. Do đó, họ tự đặt cho mình có nhiệm vụ giám sát những hoạt động của tổng thống, thủ tướng và trong từng lúc họ đều có phản ứng kịp thời.

Những cuộc thăm dò dư luận thường xuyên ở các nước dân chủ là cách tốt nhất cho mọi người dân biết rõ từng lúc vị tổng thống, thủ tướng nào còn giữ được sự tín nhiệm của nhân dân hay sự tín nhiệm ấy đã bị giảm sút nhiều (với tỷ lệ phần trăm rất cụ thể) thậm chí tín nhiệm không còn. Có như vậy tổng thống và thủ tướng mới biết rõ mình hiện giờ ra sao trước con mắt giám sát của đông đảo quần chúng nhân dân để phấn đấu, tiếp tục vươn lên phía trước hoặc để khắc phục những sai lầm thiếu sót về đạo đức, tác phong và tinh thần trách nhiệm của mình.

Chớ không phải như ở Việt Nam, một vài ông Ủy viên bộ chính trị đồng thời là thành viên của Hội đồng bộ trưởng (từ năm 1990 trở về trước) có vợ đi buôn lậu, dựa vào thế lực của chống tha hồ sử dụng các phương tiện giao thông của nhà nước như máy bay, ô-tô, ... cho hoạt động vụ lợi bất chính của mình suốt hàng chục năm mà vẫn bình yên vô sự; cũng như có ông đã biến công việc của nhà nước thành công việc riêng của gia đình mình, tha hồ hoạt động kiếm đô la (ở nước ngoài) một cách dễ dàng suốt trên hai thập kỷ mà vẫn phơi phới vững như bàn thạch: trong khi cả xã hội từ Bắc chí Nam, nhân dân, đặc biệt là công nhân viên chức, gia đình cán bộ bàn tán xôn xao tình hình nói trên.

Nhưng tuyệt đối không hề được các phương tiện thông tin đại chúng như báo chí, đài phát thanh, đài truyền hình (tất cả là của Đảng và nhà nước) nêu lên. Hơn nữa cơ quan lãnh đạo của Đảng cũng không hề tỏ rõ thái độ của mình một cách công khai trước nhân dân cả nước đối với tình hình suy thoái nghiêm trọng nói trên ngay tại cơ quan đầu não mà vẫn cứ coi như trong lãnh đạo không có việc gì xảy ra và rất êm thấm. Rõ ràng, đây là một sự bao che đầy quyền lực đối với những hành vi tiêu cực kéo dài ở tận chóp bu.

Ở Việt Nam tham nhũng đã trở thành quốc nạn, nhưng Việt Nam lại là nước không có dân chủ tự do – dân không có quyền – thì làm sao chống tham nhũng có hiệu quả? Cho nên, điều trở trêu thường xuất hiện là người hô hào chống tham nhũng chính lại là kẻ tham nhũng rất tệ hại.

Tất cả tình hình nói trên cho thấy dân chủ tự do là rất bức bách đối với mọi dân tộc, là vũ khí sắc bén được nhân dân sử dụng để thực hiện quyền làm chủ thực sự của mình đối với đất nước, xã hội; chớ không phải như ở Việt nam, “làm chủ” chỉ là khẩu hiệu suông, trống rỗng vì nhân dân không hề có quyền dân chủ tự do thật sự bao giờ. Phải dám nhìn thẳng vào sự thật và không được quyền bóp méo nó qua cặp kính “ý thức hệ mác-xít”; chúng ta phải thừa nhận rằng dân chủ tự sản (dân chủ ở các nước tư bản) là chế độ dân chủ thực sự được xây dựng hơn hai thế kỷ qua bằng cuộc đấu tranh trường kỳ bền bỉ thậm chí đổ máu của nhân dân các nước, chớ dân chủ không hề là một thứ đặc ân của giai cấp thống trị.

Chúng ta đều biết ở nhiều nước tư bản đã từng trải qua những thời kỳ mà chế độ độc tài phát xít được thiết lập; đồng thời nền dân chủ tự do ở đây bị thủ tiêu như: chế độ Phát-xít Hittle ở Đức, Mussolini ở Ý, Thiên Hoàng ở Nhật, Franco ở Tây Ban Nha, Tưởng Giới Thạch ở Trung Quốc (trước 1949), Lý Thừa Vãng ở Nam Triều Tiên, Ngô Đình Diệm ở Miền Nam Việt Nam, Pinochet ở Chi Lê,..v.v...

Do đó, nhân dân các nước nói trên không thể không vùng lên đấu tranh quyết liệt kể cả đổ xương, đổ máu để giành giật lấy nó, bảo vệ và phát triển nền dân chủ tự do của mình.

M.- Dân Chủ Tự Do Phải Trả Giá.

Dân chủ tự do là một sự nghiệp cách mạng lớn lao nên không thể không có hy sinh, và chính nền dân chủ phải trả giá đắt ấy là nền dân chủ thật sự, chân chính. Cuộc đấu tranh vì dân chủ tự do của nhân dân Trung Quốc ở Thiên An Môn (Bắc Kinh) hồi tháng 05 và tháng 06/1987 và của nhân dân Thái Lan, Nam Phi gần đây (1992), bắt chập súng đạn, xe tăng của bọn phát xít diệt chủng, bọn phân biệt chủng tộc đã nói lên tình chất quyết liệt, đầy hy sinh gian khổ của cuộc đấu tranh vì dân chủ tự do. Còn dân chủ do lãnh đạo ban cho – dân chủ không phải trả giá gì cả – là thứ “dân chủ giả hiệu” nhằm đánh lừa thiên hạ và để tạo ra trong xã hội nhiều thứ bù nhìn, nhiều kẻ nịnh bợ và bọn tham nhũng mà thôi.

Nói tóm lại, Đảng cộng sản Việt Nam phát động “chống đa nguyên, đa đảng”, “chống tự do tư sản hoá”, “chống diễn biến hòa bình” (tức chống phong trào đấu tranh đòi dân sinh dân chủ), chống đàn áp, khủng bố, chống tham nhũng của quần chúng bằng báo chí, hội thảo, mít tinh,

biểu tình, đình công – đấu tranh ôn hoà, không có vũ trang – là đi ngược dòng lịch sử, không tuân thủ qui luật phát triển khách quan của xã hội, đã ra mặt độc tài chống lại yêu cầu, nguyện vọng về dân chủ tự do của quần chúng nhân dân, của dân tộc.

N.- Chuyên Chế Độc Tài: Thách Thức Nghiêm Trọng Đối Với Dân Tộc Việt Nam.

Chính Đảng cộng sản Việt Nam ngày nay đã biến mình trở thành một cản ngại lớn trên con đường phát triển đi đến văn minh của dân tộc Việt Nam, bắt chập sự phản kháng của quần chúng, quyết duy trì chuyên chế, độc tài, dựa vào bạo lực (quân đội, công an) như tất cả các chế độ độc tài trên thế giới để chà đạp lên nguyện vọng về dân chủ tự do của nhân dân và gây cho nhân dân biết bao tai họa khác.

Nhưng những bài học của lịch sử luôn luôn sáng ngời: tất cả các thể lực độc tài, phát xít tàn bạo trên thế giới đều bị phủ định bởi sức mạnh áp đảo của nhân dân. Cuộc đấu tranh anh hùng đã đánh bại bọn độc tài quân phiệt khát máu của nhân dân Thái Lan hồi tháng 5/1992 vừa qua là một tấm gương sáng chói cho các dân tộc trên thế giới kể cả dân tộc Việt Nam. Không phải đi ăn xin mà có dân chủ tự do được. Muốn có nó phải dám đấu tranh ngoan cường, bền bỉ, trừ phi cam tâm làm nô lệ.

Cả thế giới đều biết rằng quá trình kháng chiến giành độc lập dân tộc cũng là quá trình đấu tranh chống độc tài chuyên chế, phát xít tàn bạo, giành dân chủ tự do của nhân dân Việt Nam.

Do đó sau thắng lợi của cách mạng (hơn 30 năm liên tục đấu tranh chính trị và vũ trang), Đảng cộng sản Việt Nam lại thiết lập, duy trì, củng cố chế độ chuyên chế, độc tài ở Việt Nam; đó là sự thách thức rất nghiêm trọng của Đảng cộng sản đối với nhân dân Việt Nam. Về những thách thức tương tự đó, trên thế giới đã có nhiều bài học: Chính vì dựa vào bạo lực để tồn tại mà chính quyền mác-xít – chuyên chế độc tài phủ định tất cả ý kiến, quan điểm đối lập, lực lượng đối lập – ở Á-p-ga-ni-xtan và Ê-ti-ô-pi

đã gây ra cuộc nội chiến đẫm máu kéo dài ở hai nước này dẫn đến hậu quả cuối cùng là lực lượng võ trang của các đảng phái đối lập đã tấn công đến sào huyệt (thủ đô) của chính quyền mác-xít độc tài ở hai nước nói trên và đã chiến thắng. Tổng thống mác-xít Ấp-ga-ni-xtan – Na-gi-pu-la phải chạy vào cơ quan Liên Hiệp Quốc tại Ca-bun (thủ đô) để ẩn náu; còn Tổng thống mác-xít Ê-ti-ô-pi – M.H. Mariam thì chạy trốn sang phương Tây. Rõ ràng, số phận bi đát luôn luôn dành sẵn cho bọn ngoan cố độc tài, tham quyền cố vị, đi ngược qui luật tiến hóa của lịch sử.

Nhìn theo nhiều dài của lịch sử, khác với sự đắc chí kiêu ngạo, không biết giựt mình và tự sám hối của Đảng cộng sản Việt Nam, người ta không thể không kinh ngạc khi biết rằng chính chuyên chính độc tài của Đảng cộng sản Việt Nam đã gây nên biết bao thảm họa, tội ác đối với nhân dân Việt Nam suốt một quá trình cách mạng lâu dài của đất nước, dân tộc. Khi cầm quyền, Đảng cộng sản Việt Nam coi công an, quân đội là công cụ riêng của Đảng dùng để đàn áp những ai có ý kiến, quan điểm khác với Đảng, được xem là “chống Đảng, chống cộng sản”. Chớ công an, quân đội không phải là công cụ của chính quyền cách mạng -chính quyền của dân, vì dân, do dân.

O.- Ý Thức Hệ Cộng Sản Dẫn Đến Các Cuộc Đàn Áp Tôn Giáo.

Với ý thức hệ Mácxít: duy vật chống duy tâm, vô thần chống hữu thần, Đảng cộng sản Việt Nam đã thi hành chính sách không chế, kềm kẹp thậm chí khủng bố đàn áp đẫm máu đối với các tôn giáo ở Việt Nam như : Cao Đài, Hòa Hảo, Công Giáo, Thiên Chúa Giáo, Tin Lành, Phật Giáo,... với lý do tôn giáo là “hữu thần chống vô thần”, “chống cộng sản”, là những kẻ “phản động”, “làm tay sai cho đế quốc”. Bằng lực lượng võ trang nắm trong tay, Đảng cộng sản Việt Nam đã tiến hành những cuộc tảo thanh Cao đài, Hòa Hảo tức tấn công, giết hại hàng loạt tín đồ và hàng giáo phẩm của hai đạo này trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống đế quốc Pháp xâm lược (1945,46,47,48,49). Đối tượng tảo thanh lúc bấy giờ ở Miền Đông Nam bộ bao gồm các tỉnh: Tây Ninh, Gia Định (nay là TP Hồ Chí Minh), Thủ dầu một (Sông Bé), Biên Hoà (Đồng Nai), Bà Rịa (Bà Rịa-Vũng tàu), Chợ Lớn (Long An) là đồng bào tín đồ Cao Đài. Còn đối tượng tảo thanh ở Miền tây Nam Bộ bao gồm các tỉnh: Long Xuyên, Châu Đốc (nay là tỉnh An Giang), Tạch Giá (Kiên Giang), Bạc Liêu (Minh Hải), Cần Thơ,... là đồng bào tín đồ Hòa hảo.

Mặt trận liên quân B – mặt trận tảo thanh Cao đài – ở Miền Đông Nam Bộ được thành lập (1946) với các lực lượng võ trang bao gồm các cho đội: 12, 13, 15, 22, 6, bộ đội Hoàng Thọ... lấy tòa thánh Tây Ninh – trung tâm đầu não của lực lượng Cao Đài – làm mục tiêu tấn công. Chiến trận diễn ra ác liệt năm này sang năm nọ giữa lực lượng võ trang nói trên của Đảng cộng sản Việt Nam và lực lượng võ trang Cao Đài có sự yểm trợ của quân đội Pháp; đồng thời cũng diễn ra các cuộc “tảo thanh” tín đồ Cao Đài ở khắp các ấp, xã thuộc các tỉnh Miền Đông Nam Bộ như: Tây Ninh, Gia Định (TP HCM), Thủ Dầu Một (Sông bé)... Bằng cách tập hợp đồng bào đi phá hoại đường để bảo vệ vùng giải phóng thuộc Củ Chi – gọi là “khu 5” – Ban chỉ huy ra lệnh: ai có đạo đứng một bên, ai không có đạo đứng một bên; ai có đạo ở lại, ai không có đạo đi phá đường. Do vậy, hàng trăm người có đạo – toàn là tín đồ Cao Đài gồm nam, nữ, ông già, bà cả, thanh niên, trung niên – được điều động đến mé rừng rậm. Sau đó nhiều loạt súng liên thanh nổ liên tiếp với tiếng người kêu la gào thét kinh khủng. Thế là số phận bi thảm của đồng bào Cao Đài nói trên đã kết liễu. Thi hài của họ được vùi dập xuống các hầm đào sẵn ở rừng Làng và Sở cao su Me-sắc (thuộc xã Phú Mỹ Hưng, Củ Chi).

Vào năm 1950, người ta đã phát hiện ở rừng Bời Lời (Trảng Bàng – Tây Ninh) có 5-7 hầm toàn sọ người. Hay như ở xã Vĩnh Lộc (thuộc Gò Vấp, Gia Định cũ), về sau này,

hàng năm đều có ngày giỗ thống nhất – giỗ những đồng bào tín đồ Cao Đài trong xã, áp bị giết hàng loạt cùng một ngày bởi các cuộc tẩy thanh tàn bạo nói trên của Đảng cộng sản Việt Nam. Suốt 9 năm kháng chiến chống Pháp (1945-1954) và 20 năm kháng chiến chống Mỹ xâm lược (1955-1975) bao gồm cả thời kỳ đất nước chia cắt thành 2 miền: Nam, Bắc (miền Bắc xã hội chủ nghĩa, miền Nam thuộc địa củ Mỹ), đồng bào tín đồ Công Giáo, Thiên Chúa Giáo, Tin Lành ở miền bắc xã hội chủ nghĩa là đối tượng đàn áp quyết liệt của chánh quyền cộng sản; đặc biệt lúc Hiệp định đình chiến Giơ-ne-vơ (tháng 07/1954) qui định chia cắt tạm thời đất nước thành hai miền, được ký kết thì lập tức có hai triệu đồng bào tín đồ Công Giáo, Thiên Chúa Giáo, Tin Lành ồ ạt di cư vào Nam sinh sống và để thoát khỏi “tai họa cộng sản”.

Do đó, đối với số đồng bào và hàng giáo phẩm của các tôn giáo nói trên còn ở lại miền Bắc xã hội chủ nghĩa suốt 20 năm (1955-1975) quả là rất nặng nề, không khác gì cuộc sống ở một trại giam lớn.

Phật giáo Việt Nam với truyền thống yêu nước là tôn giáo có nhiều cống hiến cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, chống độc tài, tham nhũng, đòi dân chủ tự do và hoà bình (đặc biệt ở Miền Nam Việt Nam) trong suốt thời kỳ Đế quốc Mỹ và tay sai thống trị. Nhưng sau khi Miền nam được giải phóng, đất nước thống nhất, Phật Giáo lại trở thành đối tượng kèm kẹp, khống chế, trấn áp của Đảng cộng sản Việt Nam. Nhiều người thuộc hàng giáo phẩm và tín đồ Phật giáo bị qui chụp là “phản động”, “chống cách mạng” và bị bắt bớ, giam cầm, quản thúc chỉ vì họ muốn được tự do trong cuộc sống, tự do tín ngưỡng, hành đạo, tự do nói lên quan điểm tư tưởng riêng của mình. Với “ý thức hệ mác-xít, lập trường giai cấp vô sản”, Đảng cộng sản Việt nam không những đổ kị và áp bức các tôn giáo mà còn đổ kị áp bức các dân tộc ít người: dân tộc người Hoa, người Khơ-me và nhiều sắc tộc khác.

Vào những năm 1956-1957, sau sai lầm cải cách ruộng đất và chinh đốn tổ chức – chiến dịch tấn công vào nhân dân, nông dân và bản thân nội bộ Đảng – với chuyên chính độc tài dựa vào bạo lực, Đảng cộng sản Việt Nam lại lao vào tội lỗi khác là đàn áp, bắt bớ, tù đầy hàng chục năm một số trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ đảng viên dám phát biểu ý kiến, quan điểm của mình, phê phán những sai trái trong sự lãnh đạo của Đảng cộng sản bằng văn học, nghệ thuật, bằng bài nói, bài viết của bản thân. “Vụ án nhân văn giai phẩm” 1956-1957 chính là sự đàn áp của Đảng cộng sản Việt Nam đối với những ai có quan điểm, tư tưởng khác với Đảng.

Những văn nghệ sĩ, trí thức, cán bộ đảng viên có liên quan đến vụ án khi vào tù tuổi còn thanh xuân, nhưng đến khi ra tù thì tóc đã bạc phơ, già yếu. Rõ ràng, đối với Đảng cộng sản Việt Nam thâm nhuần ý thức hệ Mác-Lênin, ai ai cũng dễ dàng bị qui chụp là “kẻ chống Đảng, kẻ thù của Đảng” và tất nhiên, điều đó không thể không dẫn đến hậu quả là ai ai cũng coi Đảng cộng sản Việt Nam là kẻ thù của chính họ.

P.- Trong Chiến Tranh: Rất Hiếm Cấp Tướng Hy Sinh; Trong Hoà Bình: Đại Tướng, Trung Tướng Hy Sinh Để Đàng. Do Đâu ?

Điều đặc biệt quan trọng xảy ra trước và sau Đại hội lần thứ 6 của Đảng cộng sản VN (tháng 12/1986) là một loạt cấp tướng (đại tướng, trung tướng) bị giết hại một cách bí mật và nhiều câu hỏi được đặt ra trong dư luận xã hội lúc bấy giờ, nhất là ở Thủ đô Hà Nội: kẻ sát nhân là kẻ nào ? bàn tay bí mật giết người từ đâu ? Bởi vì, chỉ trong một thời gian rất ngắn, liên tiếp cả hai đại tướng: Hoàng Văn Thái và Lê Trọng Tấn cùng ở vào một tình huống giống nhau – chuẩn bị nhận chức vụ mới (Bộ trưởng Quốc phòng) –

cũng đều bị chết bất ngờ (ngộ độc). Trường hợp của Đại tướng Hoàng Văn Thái trước khi trút hơi thở cuối cùng đã nói với vợ ông rằng: “Người ta đã giết tôi”, và vợ ông trước những người đến viếng thăm đã khóc thê thảm và kêu to lên rằng: “Người ta đã giết chồng tôi”. Cái chết đột ngột của Đại tướng Lê Trọng Tấn cũng tương tự như trên (theo lời kể tỉ mỉ của hai vợ chồng ông Trung tướng đương chức ở Hà Nội – năm 1987). Dĩ nhiên trước đó không lâu, một Đại hội đảng bộ toàn quân đã diễn ra trong bầu không khí căng thẳng của cuộc đấu tranh nội bộ chưa từng có đưa đến kết quả là hai ủy viên Bộ chính trị Đảng cộng sản Việt Nam: Đại tướng Văn Tiến Dũng – Bộ trưởng quốc phòng và Đại tướng Chu Huy Mân – phó bí thư quân uỷ trung ương, đều thất cử, không được bầu vào cấp ủy Đảng và đoàn đại biểu Đảng bộ toàn quân đi dự đại hội lần thứ 6 của Đảng cộng sản Việt Nam. Do đó, Đại tướng Hoàng Văn Thái được trung ương chỉ định làm Bộ trưởng Quốc phòng thay thế Văn Tiến Dũng (bị mất tín nhiệm nhiều) không may bị chết bất đắc kỳ tử và người được chỉ định lên thay ông là Đại tướng Lê Trọng Tấn, cũng chịu số phận bi thảm liền sau đó. Thật khủng khiếp và đáng kinh ngạc.

Sau 2 sự kiện đau buồn nói trên (tức sau đại hội 6 ĐCSVN) khoảng mấy tháng lại có thêm hai trung tướng: Đinh Đức Thiện và Trần Bình bị giết hại. Theo tin loan truyền thì Trung tướng Đinh Đức Thiện bị tai nạn ô tô mà chết, còn dư luận xã hội, kể cả gia đình, cán bộ quân sự thì cho rằng ông Đinh Đức Thiện không bị tai nạn ô tô mà bị bắn chết tại rừng Cúc Phương (Ninh Bình) khi ông đi săn thú. Dư luận còn nhấn mạnh: Ông Thiện chắc chắn bị một người bà con có quyền thế sát hại. Còn Trung tướng Trần Bình – Cục trưởng cục tình báo quân đội nhân dân Việt Nam bị bắn chết ngay trên đường phố thuộc quận 3 – thành phố Hồ Chí Minh; và sau đó độ mấy ngày, người con trai của ông cũng bị bắn chết tại khu vực nói trên.

Trước những sự kiện nghiêm trọng đó của đất nước, dư luận xã hội rất xôn xao, âm ỉ; còn các cơ quan thông tin đại chúng: báo chí, đài phát thanh,... thì im hơi lặng tiếng, kể cả báo “Quân đội”, “Hội cựu chiến binh Việt Nam” là cơ quan tổ chức có mối liên hệ trực tiếp với các nạn nhân nói trên. Bởi vì sự độc quyền lãnh đạo – độc tài – của Đảng cộng sản Việt Nam đòi hỏi tất cả phải được giữ kín, không được bình luận, bàn tán ồn ào. Tuy nhiên, áp lực đó không ngăn cản nổi sự quan tâm bức xúc của dư luận xã hội đi đến khẳng định rằng những sự kiện kể trên (2 ủy viên bộ chính trị bị đánh rớt khỏi cương vị lãnh đạo và 2 đại tướng bị chết đột ngột, 2 trung tướng bị sát hại) là những sự kiện rất nghiêm trọng, chưa từng có trong lịch sử quân đội và ĐCSVN; nó có quan hệ hữu cơ bắt nguồn từ những mâu thuẫn sâu sắc trong nội bộ Đảng, toàn quân ở độ chín muồi dẫn đến làm nổ tung các mặt trong cuộc sống và hoạt động ít nhất ở một bộ phận đầu não của quân đội Việt Nam.

Sở dĩ không có thông tin đầy đủ và không thể có sự phân tích sâu sắc, công khai các sự kiện nói trên nhằm vạch trần bộ mặt của những tên khát máu, giết người trước ánh sáng dư luận là do trong thực tiễn ở Việt Nam không hề có dân chủ tự do (tự do ngôn luận, tự do báo chí,...); nó chỉ có trên giấy trắng mực đen (bản hiến pháp) thôi. Sự độc quyền lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam được ghi trong Hiệp Pháp nước CHXHCN Việt Nam đã đặt Đảng cộng sản đứng trên Quốc Hội và Hiến Pháp, cho phép Đảng phủ định các quyền tự do ấy của công dân trong thực tiễn và tự do chà đạp Hiến Pháp được xây dựng lên bằng xương máu của nhân dân Việt Nam; vô hiệu hoá Quốc Hội, biến Quốc Hội thành một tổ chức bù nhìn, thành bộ máy bù phiếu cho Đảng cộng sản.

Nhìn chung, các cơ quan, tổ chức khác như: chánh phủ, tòa án, mặt trận tổ quốc và các đoàn thể quần chúng chỉ là công cụ, tay sai của Đảng mà thôi (bất cứ việc xét xử nào của toà án ở từng cấp đều phải làm đúng theo sự xét xử trước đó của cấp ủy Đảng tức

tuyên án công khai đúng như cấp ủy Đảng đã tuyên án trước trong nội bộ). Gần đây, điều đáng chú ý là nhà nước Việt Nam đã quan tâm nhiều hơn đến vấn đề người Việt Nam ở nước ngoài. Do đó, tại Hội nghị Việt kiều hồi tháng 2/1993, Thủ Tướng Võ Văn Kiệt – trước hàng trăm đại biểu đại diện cho khoảng 2 triệu người Việt kiều cư ngụ ở 70 nước trên thế giới mà đa số tập trung ở các nước tư bản phát triển nhất (G7 – nhóm các nước giàu), trong đó có trên 300.000 ngàn trí thức có trình độ đại học và trên đại học – đã nhấn mạnh: “Đoàn kết hòa hợp dân tộc là động lực phát triển đất nước”.

Q.- Trên Cơ Sở Dân Chủ Bình Đẳng, Thực Hiện Hòa Giải Hòa Hợp Dân Tộc.

Rõ ràng lực lượng Việt kiều là tiềm lực lớn lao, là tài sản trí tuệ quý báu của dân tộc Việt Nam cần phải được phát huy cao độ vì sự phồn vinh, giàu có của Tổ quốc, vì ấm no hạnh phúc của nhân dân, vì một nước Việt Nam dân chủ, tự do, bình đẳng, bác ái, hiện đại, văn minh. Vì vậy có vấn đề đặt ra là làm sao tạo được một môi trường tốt, phù hợp và bền vững cho đồng bào Việt kiều – những người đã từng sống và hoạt động ở môi trường tự do hóa về kinh tế và chính trị; môi trường của nền kinh tế thị trường (tư bản chủ nghĩa) và nền chính trị dân chủ, đa nguyên – tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước Việt Nam giàu mạnh. Do đó, nhà nước Việt Nam không thể dừng lại ở việc ban hành một số chính sách mang tính chất chiến thuật như: nhập cảnh, cư trú, đi lại, hoạt động kiều hối, xuất nhập khẩu, ngân hàng, tín dụng,... mà còn phải dám đi xa hơn nữa vào chiến lược lâu dài: cải cách kinh tế đi liền với cải cách chính trị, không những phải xây dựng một nền kinh tế thị trường và mở cửa mà còn phải xây dựng một nền chính trị đa nguyên – dân chủ – đa đảng.

Đó là cơ sở, nền tảng vững chắc để thực hiện một cách đồng bộ, hài hòa, sự hòa giải, hòa hợp, đoàn kết dân tộc, tạo nên tính tự giác cao và tâm lòng hồ hởi, cởi mở của đồng bào đồng bào Việt kiều hướng về Tổ Quốc thân yêu, hội nhập thực sự với quê hương, dân tộc. Mặt khác, điều đó cũng nói lên rằng Việt Nam hội nhập vào thế giới, tiếp thu những giá trị của xã hội loài người không chỉ thuần túy về mặt kinh tế mà tiếp thu hoà nhập toàn diện (cả về kinh tế và chính trị). Sự hài hòa giữa môi trường thế giới (tự do hóa cả về kinh tế và chính trị) và môi trường trong nước (Việt Nam – tự do hoá không những về kinh tế mà cả về mặt chính trị) chắc chắn sẽ tạo ra sự an tâm phấn khởi không những trong đồng bào Việt kiều mà cả gần 70 triệu đồng bào trong nước (bao gồm nhiều giai cấp, tầng lớp, nhiều sắc tộc, tôn giáo, nhiều khuynh hướng, quan điểm,...) khiến tất cả mọi người Việt Nam ở trong và ngoài nước đều cảm thấy bức bách phải dốc toàn lực tham gia xây dựng quê hương, Tổ quốc giàu mạnh, nhân dân ấm no, hạnh phúc.

Nếu Việt nam chỉ mở cửa kinh tế và đóng kín cửa chính trị, chỉ đi có một chân (kinh tế), chớ không phải đi hai chân (kinh tế và chính trị) thì càng làm bộc lộ nổi cộm sự lạc hậu về chính trị của Việt Nam trước thế giới – lạc hậu không những so với các nước Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Á (kể cả các nước láng giềng như: Thái Lan, Cam-pu-chia) mà còn lạc hậu so với nhiều nước Châu Phi: An-giê-ri, Tu-ni-si, Ma-da-grát-xca, Nam Phi,... Tất nhiên cái gì lạc hậu, đi ngược qui luật tiến hóa thì chắc chắn sẽ bị đào thải, sụp đổ.

Hiện nay, không những 2 triệu đồng bào Việt kiều và gần 70 triệu đồng bào Việt Nam mà cả thế giới văn minh đều đòi hỏi Việt Nam phải cải cách toàn diện: cả kinh tế và chính trị. Đó là điều kiện không thể thiếu được cho sự hội nhập thực sự của Việt nam vào cộng đồng thế giới (tư bản chủ nghĩa) ngày nay; đồng thời đó cũng là điều kiện phải có để đồng bào Việt kiều, đồng bào cả nước hòa nhập thực sự với dân tộc, đất nước.

Chúng ta biết rằng: sở dĩ Trung Quốc đạt được những thành quả lớn lao suốt 14 năm cải cách kinh tế và mở cửa là nhờ có được một trong những yếu tố quan trọng – một đội ngũ chuyên gia giỏi từ các nước tiên tiến nhất: Mỹ, Nhật, Đức,... gồm khoảng 300-400 ngàn người cho một đất nước có khoảng 1,2 tỉ dân, có nghĩa là cứ khoảng 3000 người dân Trung Quốc thì có một chuyên gia giỏi nước ngoài phục vụ. Tất nhiên nhà nước TRung Quốc phải chi một số tiền thích đáng cho yêu cầu quan trọng nói trên.

Trong khi đó, tại sao Việt Nam chúng ta với dân số 70 triệu người, lại không biết sử dụng trên 3000,000 trí thức Việt kiều của mình cũng gồm giáo sư, tiến sĩ, chuyên gia giỏi trên các lĩnh vực cho lợi ích dân tộc mình? Đảng cộng sản Việt nam có dám làm một cuộc cách mạng về tư tưởng của bản thân mình, có dám “lột xác” không? có dám vứt bỏ ý thức hệ mác-xít giáo điều, lỗi thời không? có dám vứt bỏ tư tưởng quan điểm, thành kiến cũ rích đối với đồng bào Việt kiều (“theo tư bản chủ nghĩa”) không?

R.- Hiện Giờ, Ai Theo Tư Bản ?

Với đầu óc khách quan, dám nhìn thẳng vào thực tế, Đảng cộng sản Việt Nam phải thừa nhận rằng bằng chính sách đổi mới, hàng ngày, hàng giờ Việt Nam luôn luôn hướng về chủ nghĩa tư bản (Mỹ, Nhật, Đức, Pháp, Ý, Canada, Nam Triều Tiên, Đài Loan, Thụy Điển, Ấn Độ, Hồng Kông, Indonexia,...), chứ không phải hướng về Bắc Triều Tiên, Cuba của chủ nghĩa xã hội; có nghĩa là trên thực tế, Đảng cộng sản Việt Nam đã đồng hoá về quan điểm, tư tưởng với đồng bào Việt kiều đang sinh sống ở 70 nước tư bản chủ nghĩa trong nhiều thập kỷ qua.

Từ thực tế đó cho thấy giữa Đảng cộng sản Việt Nam và đồng bào Việt kiều đã không còn tồn tại cơ sở của sự đối đầu, chia rẽ, ngăn cách nữa mà nó đang chuyển sang một cơ sở mới để đôi bên hoà nhập vào nhau; thật sự hòa giải và chân thành đoàn kết với nhau vì lợi ích tối cao của dân tộc, đất nước. Vì vậy, khi kêu gọi đồng bào Việt kiều: ”xóa bỏ mặc cảm, xóa bỏ hận thù, hướng tới tương lai”, Đảng cộng sản Việt Nam phải là người trước tiên thực hiện điều đó, mở rộng vòng tay để đoàn kết, hòa giải, hòa hợp dân tộc trên cơ sở thực sự dân chủ tự do và bình đẳng – hoà hợp có nội dung, có điều kiện chứ không thể là khẩu hiệu suông.

Thật là khó hiểu khi ở nước sở tại, đồng bào Việt kiều không những tự do hoạt động kinh tế mà còn tự do hoạt động chính trị, tự do tham gia các đảng phái, tổ chức chính trị, xã hội, tự do viết báo, hội thảo, mít tinh, biểu tình, tự do nói lên ý kiến, tư tưởng, quan điểm riêng của mình đối với mọi vấn đề trong xã hội; nhưng khi về nước mình (Việt Nam) thì có thể được tự do hoạt động kinh tế ở chừng mực nhất định nào đó; còn về chính trị thì hoàn toàn không có tự do kể cả phát biểu ý kiến, quan điểm riêng của mình có thể trái với lãnh đạo.

Bởi vì, ở Việt Nam, những ý kiến, quan điểm của bất cứ người nào ngược với quan điểm lập trường của Đảng cộng sản Việt Nam thì nhất định sẽ bị lên án và bị trấn áp ngay do sự độc quyền lãnh đạo của Đảng tức nền chuyên chế độc tài đã được khẳng định ở đây từ hơn 60 năm qua (1930- 1993).

Chuyên chế độc tài đã từng bị lịch sử lên án, hoàn toàn không hề là ước mơ, niềm hy vọng của nhân dân quần chúng và tất nhiên nó không có sức thuyết phục; nhưng tại sao lại dựa vào nó để thực hiện hòa giải, hoà hợp và đoàn kết dân tộc? Cơ sở cốt lõi của vấn đề phải là: dân chủ, tự do và bình đẳng thật sự. Vì vậy, chừng nào còn chưa thiết lập được nền dân chủ tự do đúng nghĩa của nó ở Việt nam thì chừng ấy vẫn chưa xóa được mặc cảm, thành kiến,... chưa có thể hòa giải, hoà hợp dân tộc được. Nếu chỉ bằng những khẩu hiệu suông hay bằng những chiến thuật kinh tế cụ thể thì sứ mạng hoà giải,

hoà hợp và đoàn kết dân tộc sẽ khó hoàn thành.

Môi trường sinh sống và hoạt động hàng ngày đã giúp đồng bào Việt kiều hiểu rõ thế nào là một nước văn minh, hiện đại. Một nước không thiết lập được một nền dân chủ tự do và bình đẳng thật sự thì làm sao có thể gọi đó là nước văn minh, hiện đại, tiên tiến? Việt Nam rất muốn hội nhập vào thế giới văn minh, nhưng đồng thời cũng rất không muốn trở thành một nước văn minh – nước có nền dân chủ đa nguyên – và quyết duy trì chế độ chuyên chế độc tài dựa vào vũ lực, bạo lực. Thật là nghịch lý và khó hiểu. Tóm lại, Liên Xô cũ và Đông Âu cũ – được xây dựng bởi chủ nghĩa Mác-Lênin – đã tan rã; đó là sự khuyến cáo đang thếp về sự phá sản của chủ nghĩa Mác-Lênin. Bởi vì đây không phải là một sự thất bại tạm thời của một cuộc cách mạng mà là sự sụp đổ của một “học thuyết cách mạng” đã từng là “ngọn đèn pha” soi đường đi lên CNXH và CNCS. Cái chính là “đèn pha” đã tắt lịm.

Sự sụp đổ của một chế độ độc tài về chính trị và kinh tế nói trên đã mở ra kỷ nguyên cả thế giới bao gồm Liên Xô cũ, Đông Âu cũ, Mông Cổ, Cam-pu-chia và nhiều nước khác đi vào con đường tự do hóa về kinh tế và tự do hóa về chính trị – thực hiện nền kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và nền chính trị đa nguyên – dân chủ đa đảng – theo đúng qui luật vận động của thế giới đương thời. Đó chính là những giá trị phổ cập nhất của xã hội loài người ngày nay.

S.- Thập Kỷ 60-70 Đến Cuối 80 – Chủ Nghĩa Xã Hội Đích Thực; Cuối Thập Kỷ 80 Và Đầu Thập Kỷ 90 – Chủ Nghĩa Tư Bản Đích Thực.

Trước sự chuyển động lớn lao ấy của thế giới, Việt Nam thực hành chính sách đổi mới què quặt: chỉ đổi mới kinh tế, phản đổi mới chính trị: lấy tự do hoá kinh tế để củng cố độc tài chuyên chế, khẳng định độc tài, phản dân chủ là “đúng đắn”, “hợp lòng dân”; lấy sự phát triển và phồn vinh của kinh tế thị trường làm thành quả của chủ nghĩa xã hội, coi đó mặc nhiên là chủ nghĩa xã hội. Điều đó có nghĩa là chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, của những thập kỷ 60,70,80 là đấu tranh giai cấp quyết liệt nhằm tiêu diệt chủ nghĩa tư bản, tiêu diệt kinh tế cá thể, tư nhân, tiêu diệt giai cấp người bóc lột người; còn chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam của thập kỷ cuối 80 và đầu 90 hiện nay là đùề huề, thoả hiệp, hợp tác, thậm chí liên minh giai cấp nhằm phục hồi chủ nghĩa tư bản – phục hồi kinh tế cá thể, tư nhân, tư bản chủ nghĩa trong nước và cho tư bản nước ngoài vào đầu tư kinh doanh kiếm lời; đặc biệt đã dựa hẳn vào các nước tư bản phát triển nhất để “xây dựng chủ nghĩa xã hội” ?.

Do đó, Việt Nam giống như cá đã “mắc câu”, càng vùng vẫy thì “mắc câu” càng sâu tức càng khẳng định “kiên trì chủ nghĩa xã hội” thì càng đi sâu vào quỹ đạo của chủ nghĩa tư bản mà không có sức mạnh nào cưỡng lại được.

Tất nhiên, chấp nhận và phát triển kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa của Việt Nam đã tạo điều kiện thúc đẩy sự hình thành và phát triển của nền chính trị đa nguyên – dân chủ đa đảng. Bởi vì qui luật vận động khách quan vẫn là: kinh tế nào, chính trị ấy – kinh tế độc tài đi liền với chính trị độc tài; kinh tế tự do đi liền với chính trị tự do; chứ không thể kinh tế tự do tư bản chủ nghĩa lại đi liền với chuyên chính độc tài vô sản được.

Cả thế giới tư bản chủ nghĩa nhiệt liệt hoan nghinh Việt Nam đổi mới và mở cửa vì Việt Nam đang tiến mạnh vào quỹ đạo kinh tế tư bản chủ nghĩa. Do đó, nhiều nước tư bản sẵn sàng viện trợ, cung cấp tín dụng cho Việt nam, đầu tư vào Việt nam để cho Việt Nam tiến bước vững chắc trên con đường tư bản chủ nghĩa không những về kinh tế mà cả về chính trị. Bởi vì các nước tư bản nói trên đi vào Việt Nam bằng hai chân: kinh tế và chính trị, không những bằng đô la, máy móc thiết bị tối tân, hàng hóa, chuyên gia giỏi,... mà có cả vấn đề dân chủ, nhân quyền.

Cho nên đừng có ai đó ngây thơ nghĩ rằng “họ” chỉ được quyền đến Việt Nam bằng kinh tế thôi. Kinh tế luôn luôn là tiền đề của chính trị. Sức mạnh toàn diện về kinh tế, chính trị và quân sự của thế giới tư bản cũng sẽ tác động rộng khắp trên các lĩnh vực của Việt nam, thúc đẩy Việt nam đổi mới triệt để, sâu sắc, chứ không phải đổi mới nửa vời như hiện nay. Dựa vào vũ lực để củng cố chuyên chế độc tài đồng thời uy hiếp một dân tộc suốt 30 năm cầm súng chống ngoại xâm, sự thách thức ấy liệu sẽ dẫn đến hậu quả gì ? Các chế độ độc tài thường xô đẩy đất nước vào thảm họa nội chiến. Gương Áp-ga-ni-xtan, Ê-ti-ô-pi, Nam Phi,... vẫn còn sờ sờ đó.

Điều tủi nhục cho dân tộc Việt Nam – dân tộc anh hùng lừng danh khắp thế giới – cuối cùng lại là dân tộc bị kềm kẹp nặng nề nhất, không có được một chút quyền dân chủ tự do (ngôn luận, báo chí, tư tưởng, quan điểm, mít tinh, biểu tình, đình công,...) Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên của Liên Hiệp Quốc, là nước đã ký vào bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền. Nhưng Việt Nam không thực hiện bản tuyên ngôn ấy và không hề cho nhân dân Việt Nam biết rõ Bản Tuyên Ngôn, bùng bít suốt mấy mươi năm. Điều đó chỉ ra rằng Đảng cộng sản và chính phủ Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt nam đã biểu thị sự khinh thường của mình đối với Liên Hiệp Quốc và với cả dân tộc Việt Nam, với nhân dân thế giới. Vậy Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có xứng đáng là thành viên của Liên Hiệp Quốc không ?

Mặc dù luôn luôn tự xưng là “Đảng tiên phong, giải phóng dân tộc”, nhưng suốt mấy mươi năm cầm quyền của Đảng là mấy mươi năm Đảng đã tước đoạt các quyền dân chủ tự do cơ bản của nhân dân, giam hãm nhân dân trong mê muội, tối tăm; từ đó đã mặc nhiên tạo nên sự khiếp sợ Đảng rộng khắp cả nước kể cả trong cán bộ đảng viên lâu năm, không khác gì sự khiếp sợ của nhân dân đối với các triều đại vua chúa ngày xưa. Cho nên trước những sai trái của Đảng, nhiều người lặng thinh không dám có ý kiến vì quá sợ Đảng. Đó là hậu quả tai hại nhất, nghiêm trọng nhất của chế độ độc tài, độc đảng ở Việt Nam. Rõ ràng, Đảng cộng sản Việt Nam với hơn 60 năm lãnh đạo cách mạng và do không biết tự sám hối, nhay cảm trước biến đổi của lịch sử, ngày nay đã tự biến mình trở thành chướng ngại lớn trên con đường phát triển đi đến văn minh của dân tộc Việt Nam.

Dân chủ tự do đối với loài người, mọi dân tộc trên thế giới như cơm ăn, nước uống, không khí để thở, tức con người muốn sống phải có dân chủ tự do; chứ không phải chỉ có những người ở phương Tây (Anh, Pháp, Đức,...) mới cần có dân chủ tự do. Nhân dân Châu Âu, Châu Mỹ, Châu Phi, Châu Á, Châu Úc đều bức bách đòi hỏi phải có dân chủ tự do vì đó là sự sống. Chỉ có ở nước nào mà chế độ độc tài, phát xít được thiết lập thì ở đó mới không có dân chủ tự do và nhân dân phải sống lầm than, tủi nhục, đầy lo âu, sợ hãi. Phải chăng Đảng cộng sản Việt nam đã kích mạnh dân chủ phương Tây để tiếp tục tước đoạt quyền dân chủ tự do của nhân dân Việt Nam hay đã đến lúc phải kịp thời thức tỉnh, sám hối và mau chóng hoàn trả lại cho nhân dân các quyền dân chủ tự do thật sự của họ ?

HẾT

Nguồn: <http://ttxcc6.wordpress.com/hoi-ky-nguyen-ho/hoi-ky-nguyen-ho-7b/>

Chuyển đến: Nông Phu

Ngày 22/1/4893 – Giáp Ngọ (21/2/2014)